

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : Kế toán – Kiểm toán**

**Sinh viên : Trần Thị Vân**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: Kế toán – Kiểm toán**

**Sinh viên : Trần Thị Vân**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS.Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Thị Vân

Mã SV: 120139

Lớp: QT1203K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên  
Nam Triệu.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.
  - Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

## 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011.

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV Nam Triệu.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Trần Thị Vân

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị***

## **PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Nghiêm túc, chăm chỉ, ham học hỏi;
- Chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết;

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu được thực hiện trên phần mềm kế toán CADS với số liệu minh họa cụ thể (quý 1 năm 2011). Số liệu minh họa giữa chứng từ và các sổ kế toán hợp lý, logic.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bảng số: .....

Bảng chữ: .....

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2012*

*Cán bộ hướng dẫn*

*Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*

# MỤC LỤC

<b>Lời mở đầu</b> .....	<b>1</b>
<b><u>Chương 1</u>: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</b> .....	<b>2</b>
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	
1.1.3.1. <i>Doanh thu</i> .....	3
1.1.3.2. <i>Chi phí</i> .....	6
1.1.3.3. <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> .....	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.1.1. <i>Chứng từ sử dụng</i> .....	9
1.2.1.2. <i>Tài khoản sử dụng</i> .....	9
1.2.1.3. <i>Phương pháp hạch toán</i> .....	12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.2.1. <i>Chứng từ sử dụng</i> .....	12
1.2.2.2. <i>Tài khoản sử dụng</i> .....	13
1.2.2.3. <i>Phương pháp hạch toán</i> .....	14
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	15
1.2.3.1. <i>Chứng từ sử dụng</i> .....	15
1.2.3.2. <i>Tài khoản sử dụng</i> .....	15
1.2.3.3. <i>Phương pháp hạch toán</i> .....	16
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	18

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....	23

## **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định**

<b>kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu .....</b>	<b>25</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH MTV Nam Triệu .....	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Nam Triệu ..	25
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty .....	26
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty .....	31
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán .....	31
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán .....	32
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán .....	32
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán .....	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu .....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	34
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	35
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	35
2.2.1.3. Quy trình hạch toán .....	35
2.2.1.3. Ví dụ minh họa .....	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	52
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....	52



2.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	52
2.2.2.3. Quy trình hạch toán .....	52
2.2.2.4. Ví dụ minh họa .....	53
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	60
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	60
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	60
2.2.3.3. Quy trình hạch toán .....	60
2.2.3.4. Ví dụ minh họa .....	61
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	70
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	70
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	70
2.2.4.3. Quy trình hạch toán .....	71
2.2.4.4. Ví dụ minh họa .....	71
2.2.5. Kế toán thu nhập khác.....	80
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	80
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	80
2.2.5.3. Quy trình hạch toán .....	80
2.2.5.4. Ví dụ minh họa .....	80
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	86
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	86
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	86
2.2.6.3. Quy trình hạch toán .....	86

**Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu**  
..... **97**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.....	97
3.1.1. Ưu điểm .....	97
3.1.2. Hạn chế .....	99

3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.....	100
3.2.1. Nguyên tắc của sự hoàn thiện .....	100
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.....	100
3.2.2.1. <i>Nâng cấp phần mềm kế toán CADs</i> .....	100
3.2.2.2. <i>Hoàn thiện về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	107
<b>Kết luận</b> .....	<b>112</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Đối với mọi doanh nghiệp, dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận cao luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó mới có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu”*** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.

**Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

**Sinh viên: Trần Thị Vân**

## CHƯƠNG 1

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

##### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Để có thể tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thật hợp lý và phù hợp, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác....

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát

triển của doanh nghiệp. Mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế.....giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

### **1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đơn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu với khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

### **1.1.3. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.3.1. Doanh thu**

##### ***a. Khái niệm***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

### ***b. Các loại doanh thu***

#### **❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

☞ Theo chuẩn mực kế toán số 14, Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã thu được bên mua nhận nợ.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

☞ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

### ❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

### ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### ❖ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

## 1.1.3.2. Chi phí

### a. *Khái niệm*

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

### b. *Các loại chi phí*

- ❖ **Giá vốn hàng bán**: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, có 4 phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán là:



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ **Chi phí bán hàng**: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành....

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**: là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp....

❖ **Chi phí hoạt động tài chính**: là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi

vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,....

❖ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế TNDN gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	DT BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ DT	-	GVHB	-	CPBH, QLDN
-------------------------------	---	------------------	---	--------------------------	---	------	---	---------------

➤ *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính	=	DT hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
---------------------	---	------------------------	---	-------------------

➤ *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Lợi nhuận khác	=	DT khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------	---	--------------

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số của Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, Lợi nhuận tài chính và Lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động TC	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------	---	-----------------------------	---	---------------------------	---	----------------

➤ *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

### 1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

##### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

##### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ *Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118: Doanh thu khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu bán hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911.

*Bên Có:*

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

☞ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5121: Doanh thu bán hàng hóa

- TK5122: Doanh thu bán các thành phẩm

- TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911.

*Bên Có:*

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

☞ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại*

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

*Bên Có:*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

☞ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại*

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

*Bên Có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK511, hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

☞ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán*

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

*Bên Có:*

Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512.

☞ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp đã nộp vào ngân sách Nhà nước.

*Bên Có:*

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

☞ Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

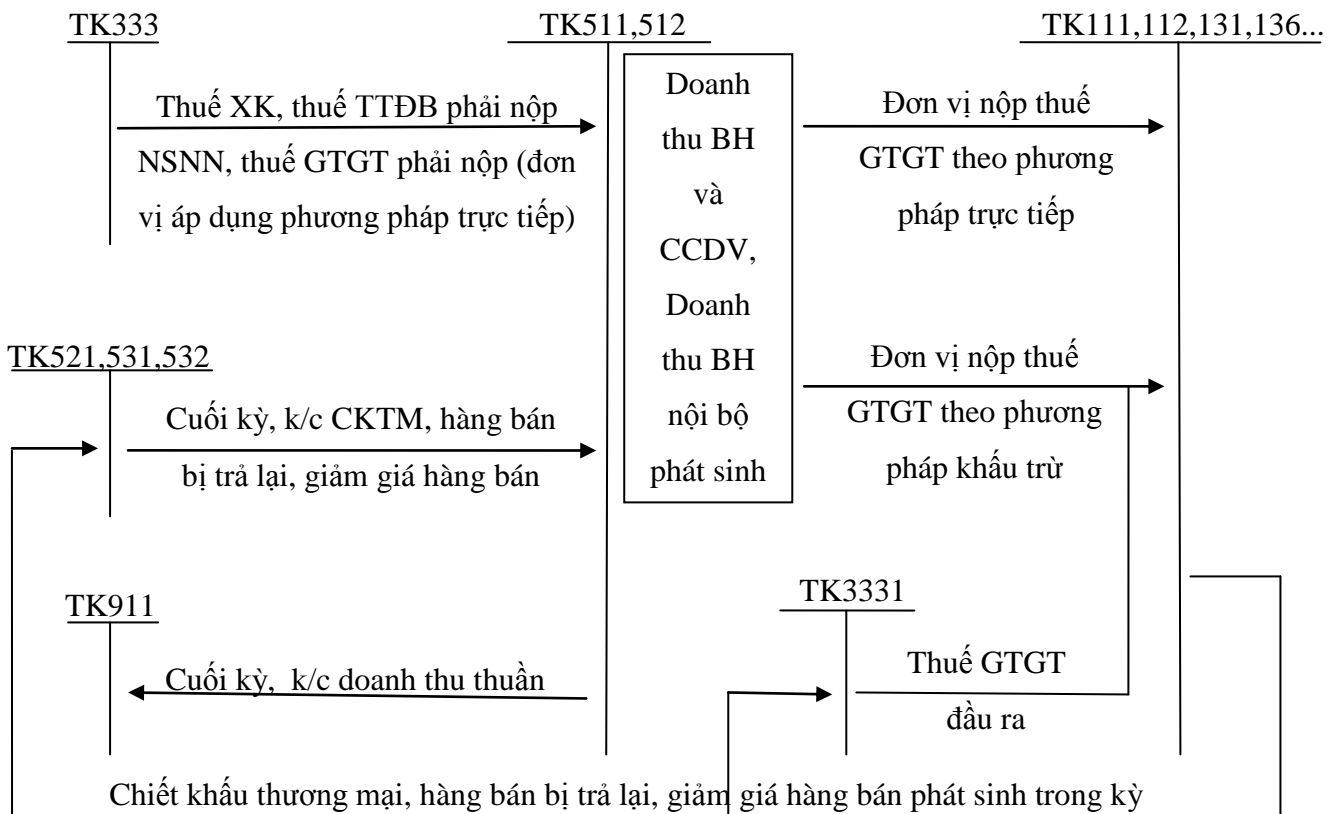
- TK3331: Thuế GTGT phải nộp
- TK3332: Thuế TTĐB
- TK3333: Thuế xuất, nhập khẩu

☞ Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).

## 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**



## 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

✓ *Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán*

☞ **Kết cấu:**

➤ **Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

*Bên Có:*

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh;
  - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
  - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- **Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

*Bên Nợ:*

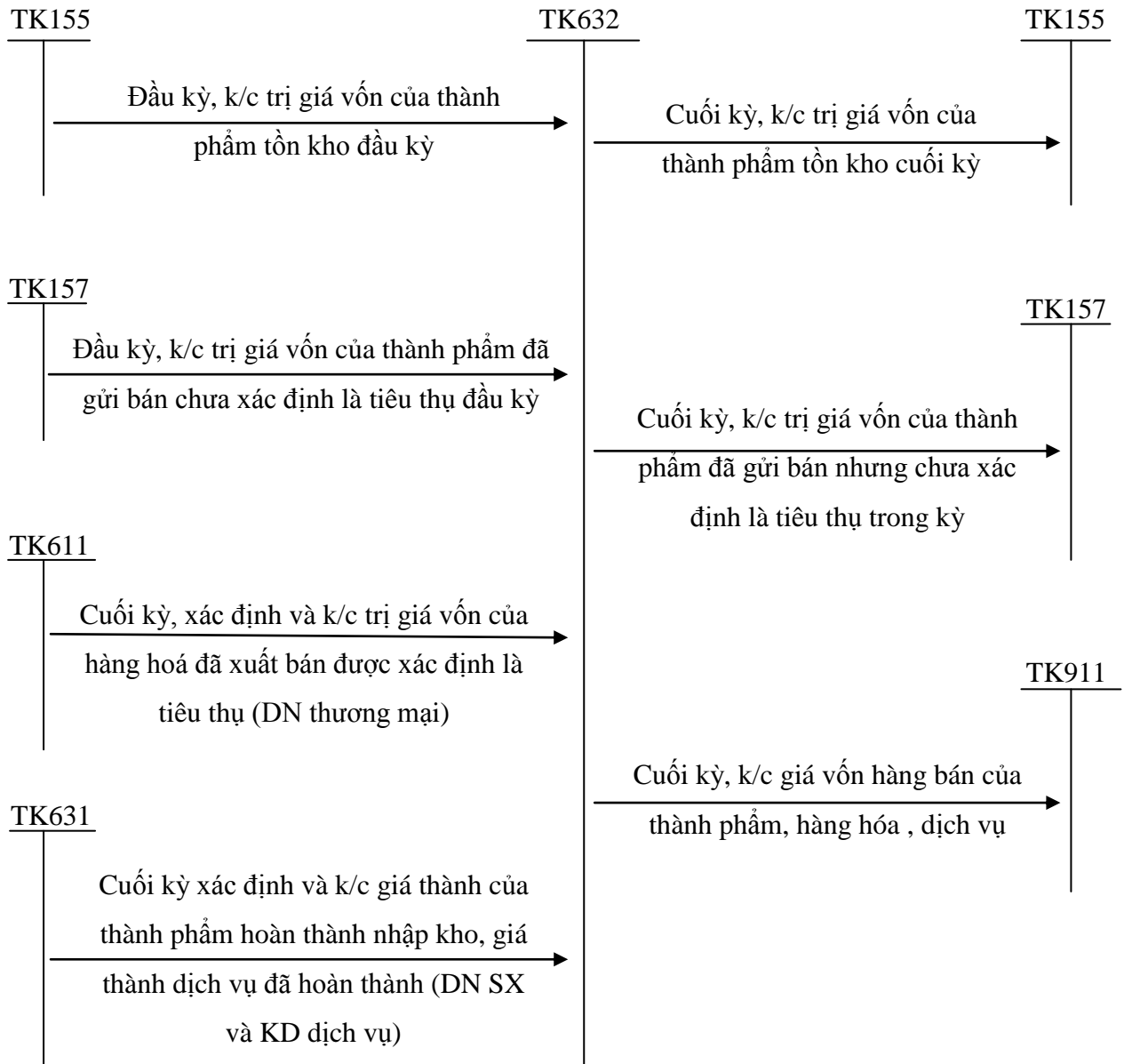
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

*Bên Có:*





**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

### ☞ Kết cấu:

#### *Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp;
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 .

#### *Bên Có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng; Lãi tỷ giá hối đoái;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB đã hoàn thành đầu tư đư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

### ☞ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ *Tài khoản 635 - Chi phí tài chính*

### ☞ Kết cấu:

#### *Bên Nợ:*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

#### *Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

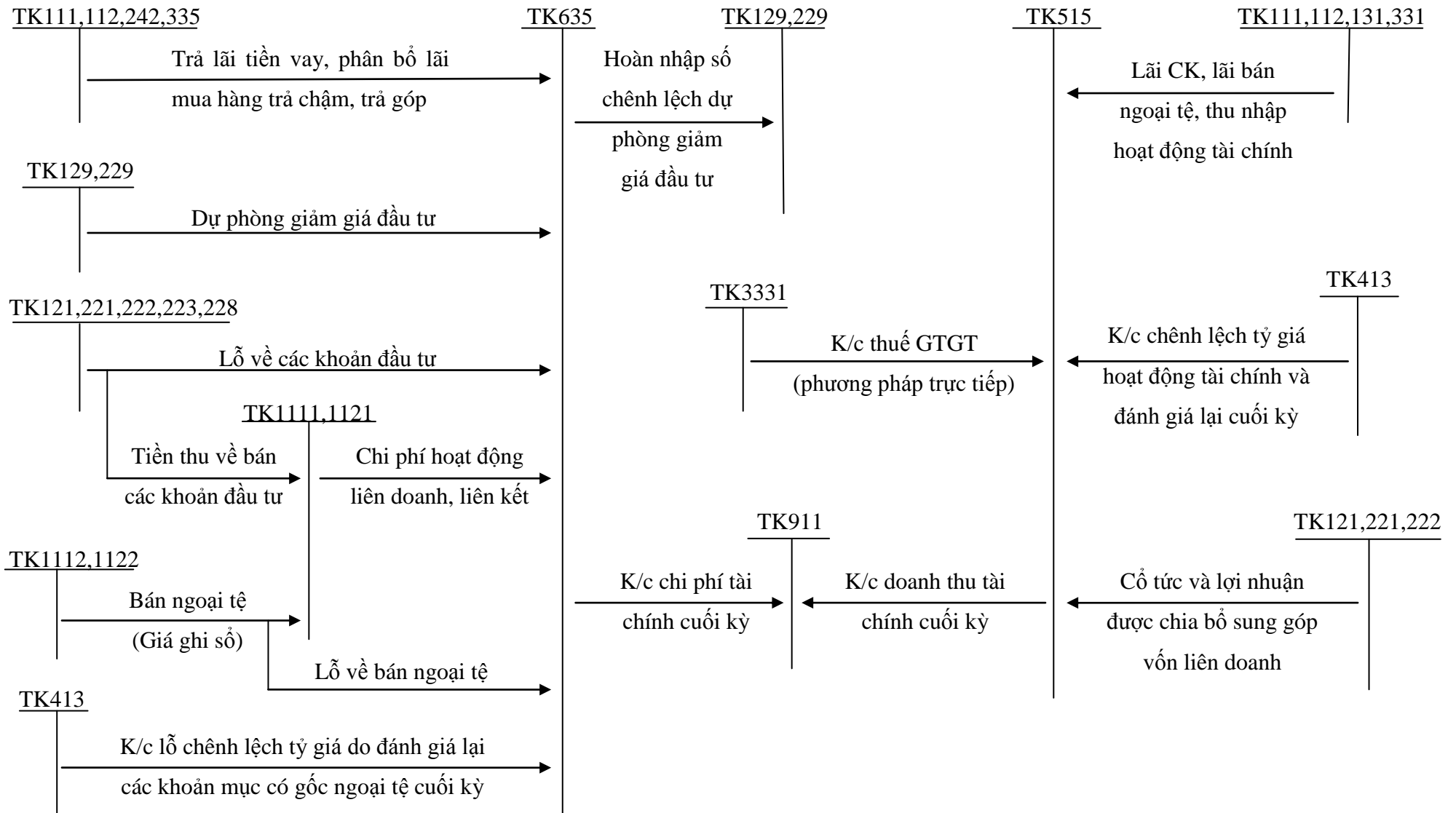
### ☞ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

### **1.2.3.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



## 1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ *Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6415: Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

*Bên Có:*

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911.

☞ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ *Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- TK6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí khác bằng tiền

☞ **Kết cấu:**

*Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

*Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911.

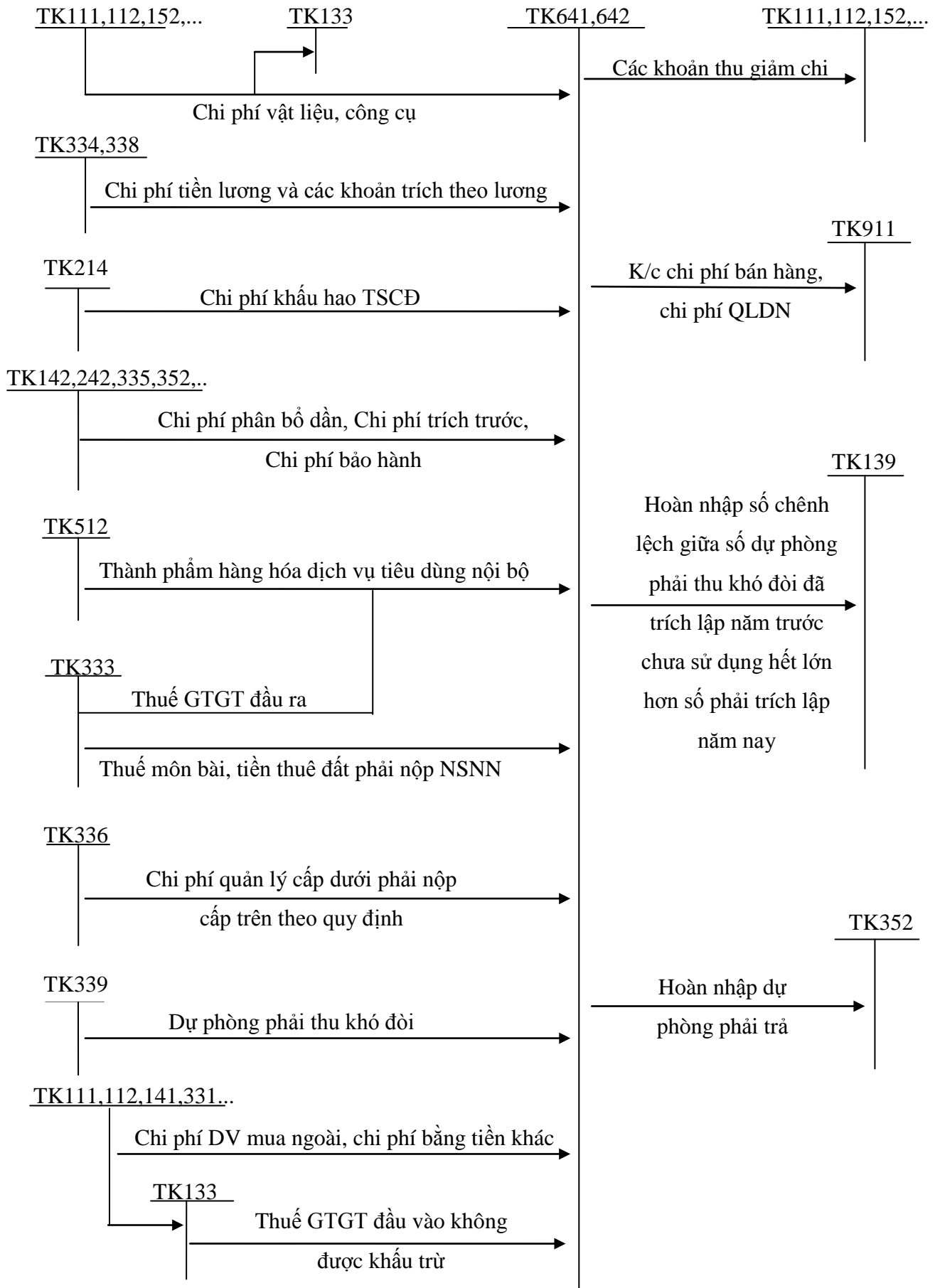
☞ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

### ***1.2.4.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá lại tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;
- Kết chuyển thu nhập khác sang TK911.

*Bên Có:*

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

☞ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ Tài khoản 811 – Chi phí khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các khoản chi phí khác phát sinh.

*Bên Có:*

Kết chuyển chi phí khác vào TK911.

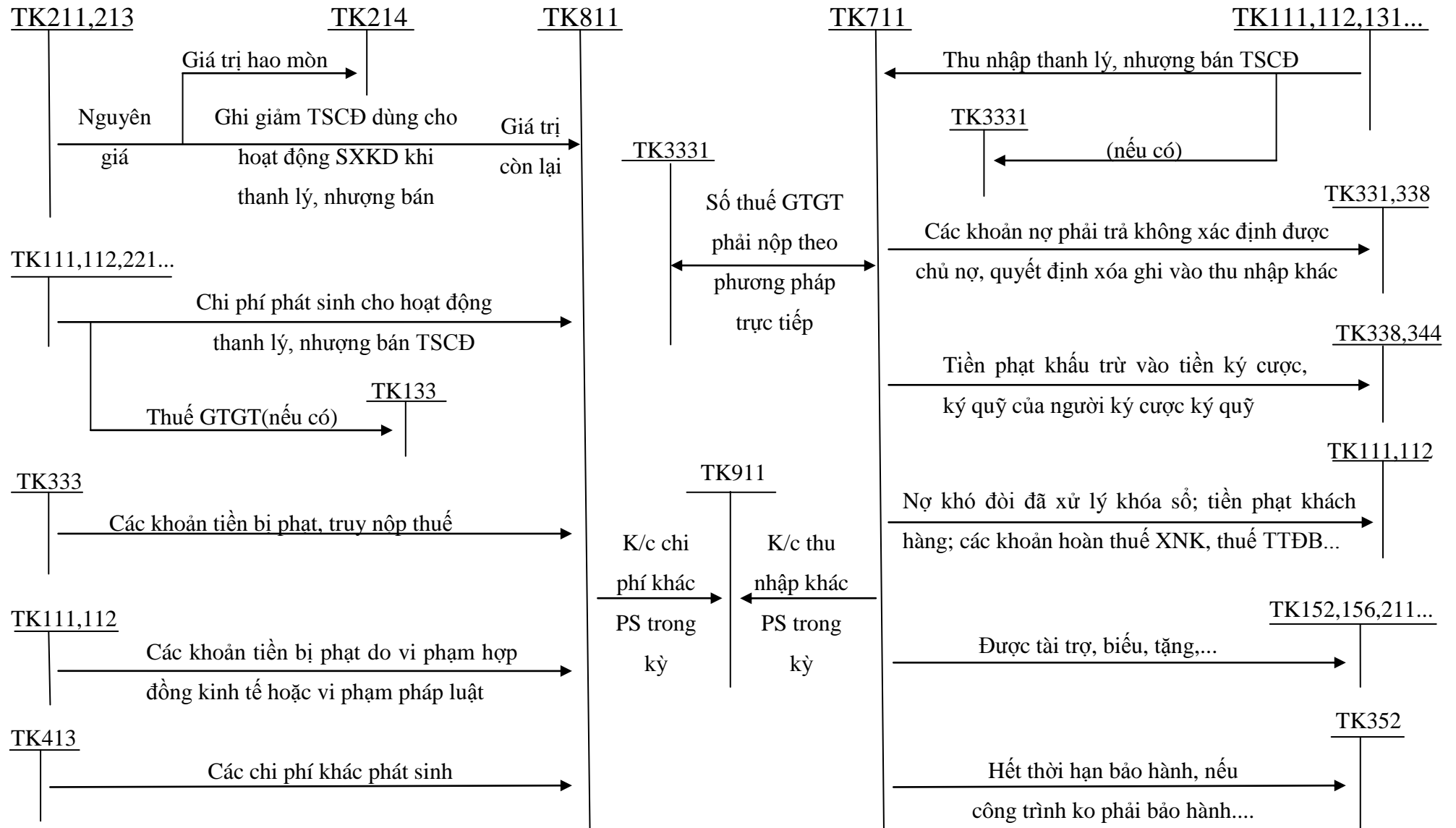
☞ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**





### 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

#### 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

*Bên Có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lỗ.

☞ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

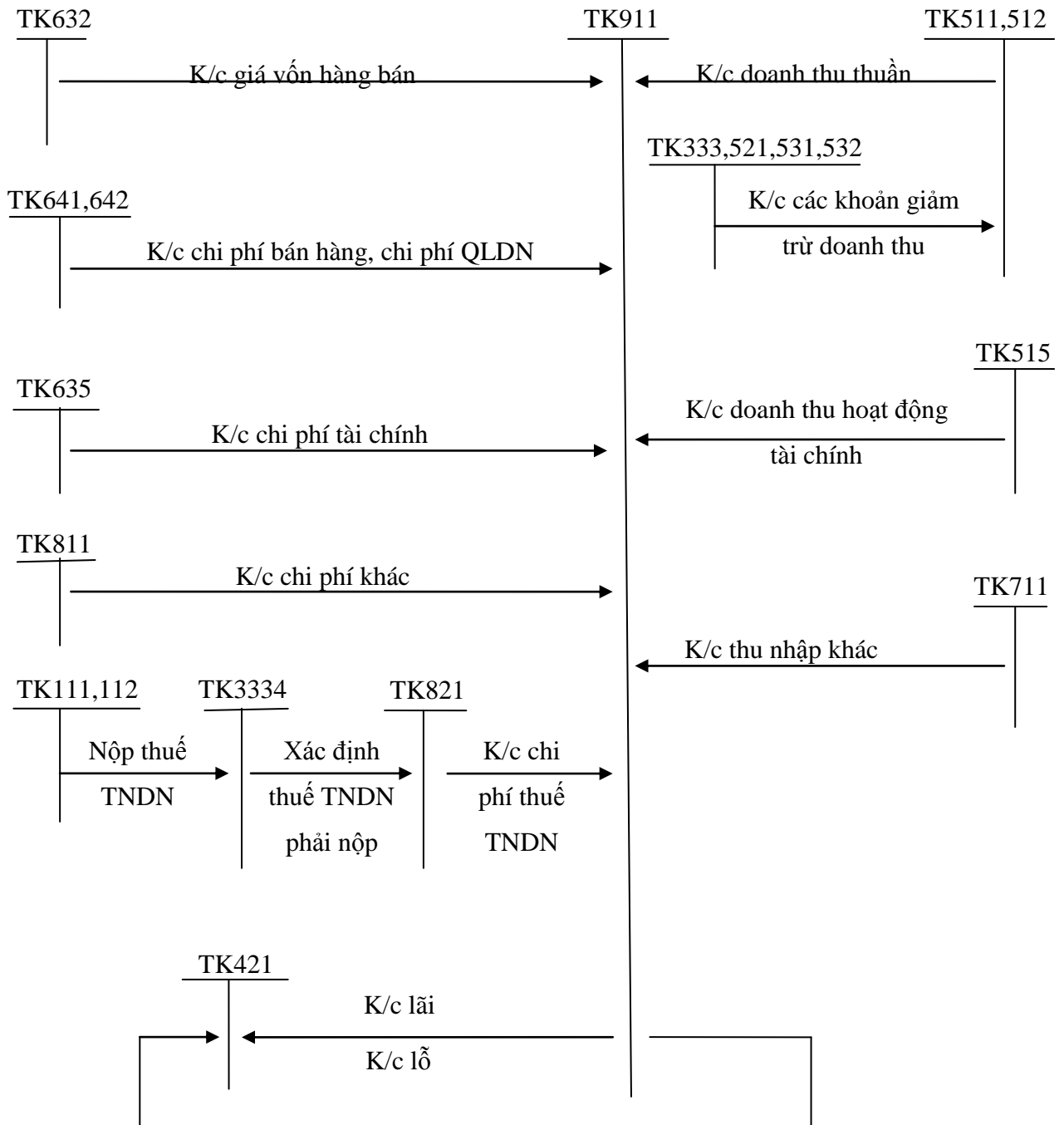
- ✓ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- ✓ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

#### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



## CHƯƠNG 2

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

#### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Nam Triệu**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU
- Trụ sở: Số 280 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3739411
- Fax: 031.3739958

Công ty TNHH MTV Nam Triệu tiền thân là Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu được thành lập theo Nghị định số 180/HĐBT ngày 28/05/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập các tổ chức kinh doanh và xuất khẩu thuộc Bộ nội vụ và Quyết định số 626/QĐ-TCCQ tháng 10/1991 của UBND thành phố Hải Phòng. Thực hiện Thông báo số 5228/ĐMDN ngày 16/1996 của Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hải Phòng và văn bản thỏa thuận số 804/H11 ngày 03/09/1996 của Bộ nội vụ và UBND thành phố Hải Phòng, ngày 19/11/1996, UBND thành phố Hải phòng ban hành Quyết định số 2636/QĐ-UB về việc thành lập Công ty xuất nhập khẩu Nam Triệu trên cơ sở tổ chức lại Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu.

Thực hiện Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/03/2005 của Chính phủ về sản xuất cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Thông báo số 1700/BCA ngày 21/12/1999 của Bộ Công an phê duyệt phương án sắp xếp lại hoạt động sản xuất đối với lực lượng Công an thành phố Hải Phòng, ngày 17/05/2000, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 869/QĐ-UB về việc đổi tên và chuyển Công ty xuất nhập khẩu Nam Triệu là doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh thành Công ty Nam Triệu là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Ngày 08/02/2010, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 486/QĐ công nhận Công ty Nam Triệu là Công ty an ninh.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Thực hiện Nghị định số 25 của Chính phủ, được sự đồng ý của lãnh đạo Bộ Công an, ngày 30/06/2010 Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng ký Quyết định chuyển đổi Công ty Nam Triệu thành Công ty TNHH MTV Nam Triệu 100% vốn nhà nước (có thỏa thuận của Bộ Công an) hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con.

Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty theo Quyết định ban hành của UBND thành phố. Công tác sản xuất kinh doanh luôn chấp hành đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trước thời hạn, phục vụ đắc lực công tác chiến đấu của ngành công an, nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo.

Công ty hoạt động đa ngành nghề. Trong đó:

➤ ***Ngành nghề phục vụ ngành Công an :***

- Đóng tàu xuồng ;
- Xây dựng, sửa chữa doanh trại ;
- Sản xuất biển số xe ô tô, mô tô cho Công an 7 tỉnh miền duyên hải ;
- Sửa chữa xe ô tô, cấp phát xăng dầu.

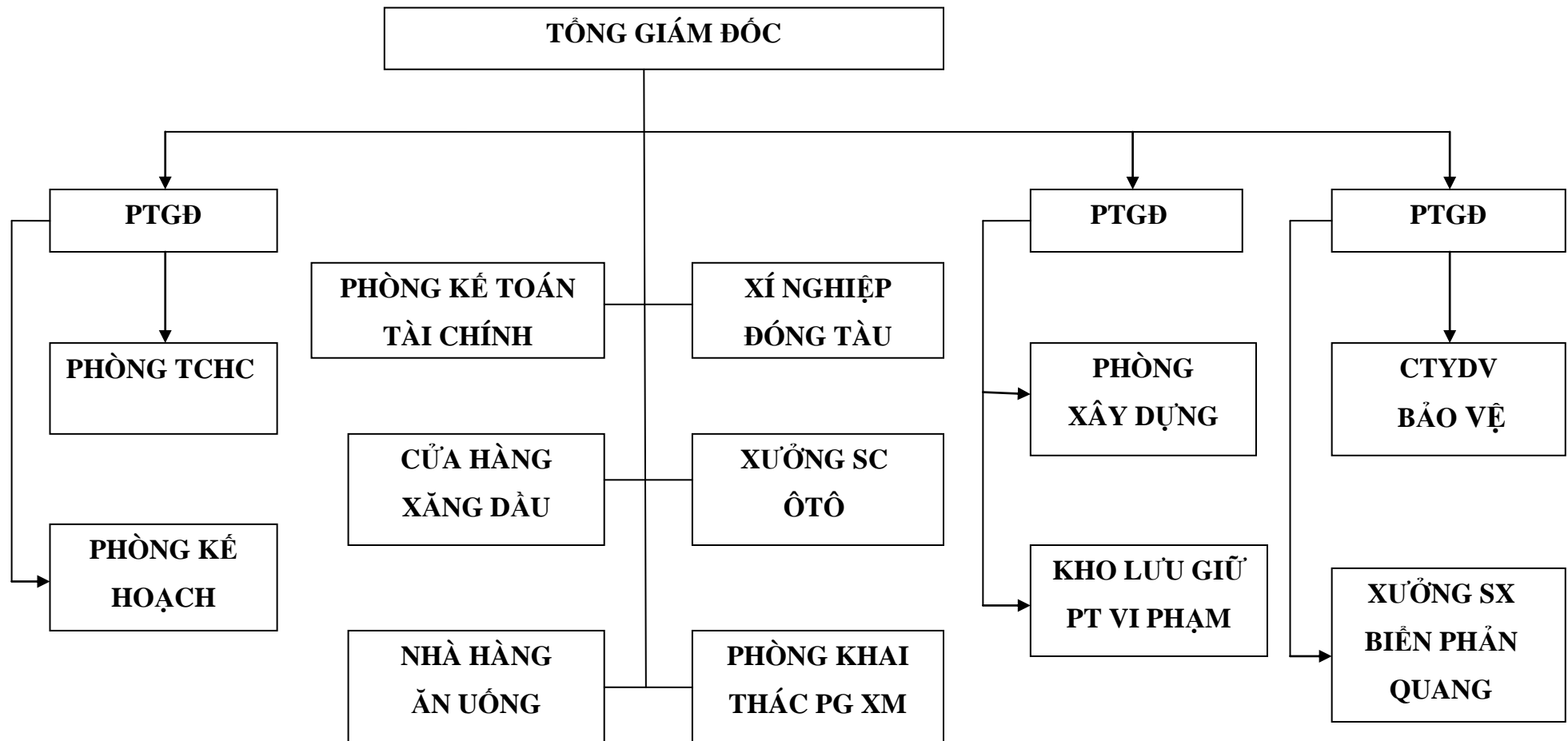
➤ ***Ngành nghề tham gia thị trường :***

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật (các công trình có quy mô vừa và nhỏ) ;
- Khai thác mỏ : cung cấp sét, đá diatomit, clinke cho xi măng Chinfon HP;
- Đóng mới, sửa chữa tàu vận tải biển trọng tải đến 7.500 tấn ;
- Dịch vụ bảo vệ cho các doanh nghiệp ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát ;
- Kinh doanh xăng dầu.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty



Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Theo mô hình này, bộ máy quản lý của công ty trở lên gọn nhẹ, đảm bảo chế độ một thủ trưởng.

Công ty có 11 đơn vị trực thuộc gồm : 3 phòng chức năng và 8 đơn vị sản xuất.

➤ **Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc công ty :**

**Phòng Tổ chức – Hành chính**

Tham mưu giúp giám đốc về công tác tổ chức, tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, sắp xếp lao động, giải quyết các chế độ chính sách liên quan đến người lao động. Xây dựng kế hoạch dài hạn và các phương án phát triển công ty. Công tác thanh tra nội bộ, bảo vệ nội bộ, kế hoạch đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp. Xây dựng kế hoạch và tổ chức phong trào thi đua trong toàn công ty. Công tác hành chính văn thư.....

**Phòng Kế toán – Tài vụ**

- Tham mưu giúp Giám đốc thực hiện các chế độ tài chính, kế toán, quản lý vốn và tài sản của công ty. Theo dõi việc mua bán, hạch toán chi phí, xuất nhập hàng hóa, vật tư thiết bị. Kiểm tra giám sát chi phí tài chính. Phân tích kết quả sản xuất dịch vụ hàng tháng, quý, 6 tháng , năm.

- Giúp Giám đốc giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, phát hiện và đề xuất với Giám đốc những biện pháp, giải pháp giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, đôn đốc theo dõi công nợ.

- Lưu trữ, quản lý toàn bộ tài liệu có liên quan đến các mặt công tác và nghiệp vụ của phòng theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật trước việc lưu trữ nêu trên.

- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật, chuyên ngành, định mức nội bộ phục vụ công tác thường xuyên.

**Xí nghiệp đóng mới sửa chữa tàu xuồng**

- Giúp Giám đốc Công ty điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất của xí nghiệp bao gồm : đóng mới và sửa chữa tàu, xuồng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ hoạt động liên quan đến chất lượng, kỹ nghệ thuật, an toàn lao động trong

quá trình thi công tàu, xuống. Trực tiếp giao dịch với các cơ quan chức năng như Đăng kiểm, Cảng vụ, thiết kế, khách hàng ; tham mưu giúp Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế.

- Quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đội thi công các sản phẩm theo đúng thiết kế, công nghệ, quy trình kỹ thuật. Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ sản xuất cho các sản phẩm của Công ty. Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng định mức kỹ thuật, vật tư, nguyên vật liệu lao động cho các loại sản phẩm.

### **Xưởng sản xuất biển phản quang**

Giúp Giám đốc Công ty quản lý và điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất của Công ty. Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, kỹ mỹ thuật của sản phẩm. Quản lý tài sản, phương tiện, máy móc, trang thiết bị sản xuất, bảo dưỡng theo định kỳ. Sản xuất theo lệnh của Giám đốc Công ty. Sản xuất đúng quy trình công nghệ, quy phạm của Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Cảnh sát và nội quy, quy chế của công ty.

### **Đội xây dựng**

Giúp Giám đốc Công ty về nhân sự, chất lượng, kỹ mỹ thuật, tiến độ công trình, an toàn lao động của đội. Lập phương án thực hiện các công việc được giao. Tổ chức thực hiện kế hoạch thi công. Bố trí, điều động nhân lực và thiết bị máy móc hợp lý, hiệu quả. Quản lý thiết bị sản xuất, công cụ, dụng cụ và các trang thiết bị của đội.

### **Cửa hàng xăng dầu**

Theo dõi giúp Giám đốc Công ty quản lý chất lượng hàng cấp phát 24/24h cho các đơn vị chiến đấu, bán lẻ phục vụ nhân dân. Lập kế hoạch nhập hàng, đảm bảo đúng chủng loại và chất lượng hàng. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm soát và đưa ra các phương pháp liên quan đến công tác an toàn phòng chống cháy nổ.

### **Xưởng sửa chữa ô tô**

Giúp Giám đốc Công ty quản lý và điều hành thực hiện các kế hoạch sửa chữa. Quản lý tài sản, phương tiện, máy móc, trang thiết bị sản xuất của xưởng. Theo dõi, giám sát công tác sửa chữa đúng yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo vật tư, phụ tùng, chủng loại thay thế, đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ phục vụ kịp thời công tác chiến đấu.

### **Nhà hàng Thiên Đại Lộc**

- Giúp Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh dịch vụ ăn uống theo mùa, vụ ; Làm tốt khâu tiếp thị quảng cáo ; Giao dịch khách hàng văn minh, lịch sự, thể hiện tính chuyên nghiệp trong giao tiếp và phục vụ.

- Tham mưu giúp Giám đốc nhập hàng, quản lý tài sản, quyết định giá mua, giá bán hàng hóa ; Kỹ thuật chế biến món ăn ; Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị của khách hàng ; Bảo quản và lưu giữ hàng hóa, thực phẩm tươi sống, đông lạnh, khô theo đúng quy định ; Sắp xếp hàng hóa, thực phẩm trong kho một cách khoa học. Cập nhật và theo dõi các số liệu liên quan.

### **Phòng khai thác chất phụ gia xi măng**

Tham mưu cho Ban Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế. Quản lý vật tư, tài sản, trang thiết bị máy móc được giao. Bảo dưỡng máy theo định kỳ nhằm nâng cao tuổi thọ của động cơ. Tổ chức khai thác mỏ đúng quy trình, đảm bảo tuyệt đối an toàn khu vực khai thác và quản lý. Đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng sét, diatomit, clinke....cung cấp cho nhà máy xi măng Chinfon (Đây là hợp đồng dài hạn 10 năm).

### **Phòng dịch vụ bảo vệ**

Tham mưu giúp Giám đốc Công ty về công tác bảo vệ. Giúp Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế dịch vụ bảo vệ. Xây dựng các phương án và tổ chức phân công, giao việc cho đội bảo vệ triển khai thực hiện. Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công việc. Xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ. Quản lý, cấp phát quân tư trang, công cụ hỗ trợ theo chỉ đạo của công ty.

### **Kho lưu giữ phương tiện vi phạm giao thông**

Phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông để đưa các phương tiện vi phạm luật giao thông đường bộ vào kho để lưu giữ. Quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng lưu giữ phương tiện với các đơn vị liên quan. Thực hiện các thủ tục lưu giữ và trả phương tiện vi phạm theo quy định. Theo dõi và thống kê lượng phương tiện xuất nhập kho. Bố trí, sắp xếp các phương tiện gọn gàng, phân loại các phương tiện theo khu vực.

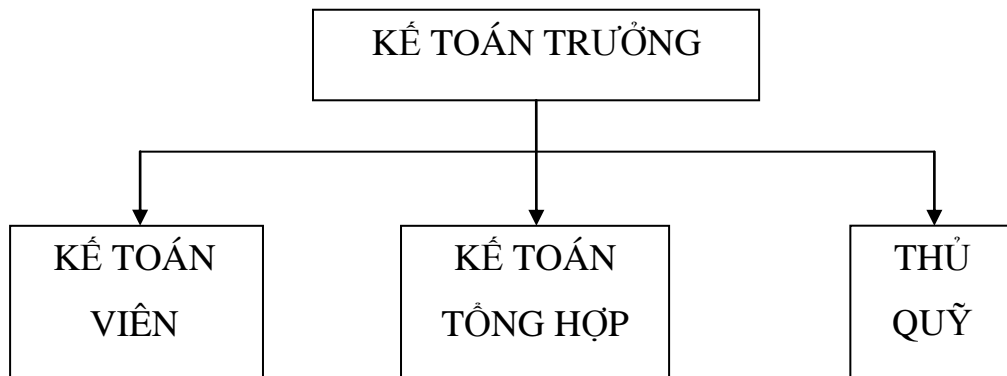


### 2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

#### 2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán tài vụ biên chế 6 nhân viên, do kế toán trưởng làm trưởng phòng, tổ chức công tác kế toán tập trung, thực hiện kế toán tài sản - nguồn vốn, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành các sản phẩm sản xuất. Xây dựng, lập báo cáo tài chính của Công ty gửi về Bộ Công an và các cơ quan có liên quan. Tại các đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh không thực hiện công tác kế toán. Mọi hoạt động thu chi tài chính phát sinh do nhân viên phòng kế toán tài vụ thu thập chứng từ, tài liệu, quyết toán và lưu trữ tại phòng kế toán Công ty.

#### Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình; đồng thời theo dõi kiểm tra, giám sát, phân tích báo cáo từng quý, 6 tháng, năm; tham mưu giúp Tổng giám đốc.

- **Kế toán tổng hợp:** có nhiệm vụ nhập toàn bộ số liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày vào máy; Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng Công ty, lập quyết toán văn phòng Công ty; Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

- **Kế toán viên:** Là các kế toán viên tại các đơn vị sản xuất. Các kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các đơn vị sản xuất mình

phụ trách, tập hợp, phân loại chứng từ rồi đưa cho kế toán tổng hợp nhập số liệu vào máy vi tính.

▪ **Thủ quỹ:** Là người giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu thu, phiếu chi); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt.

### 2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

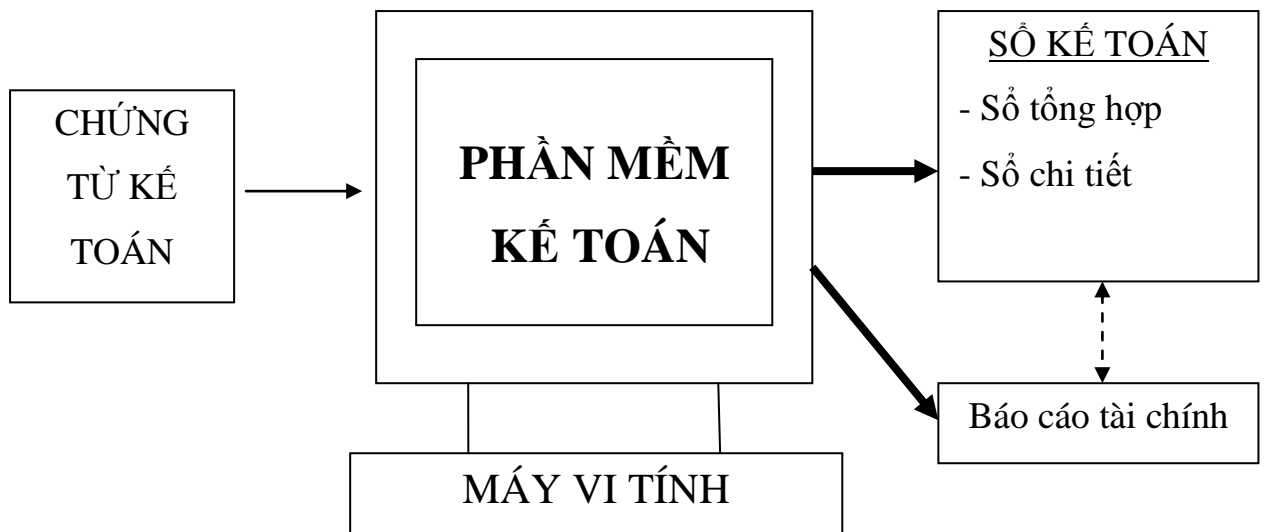
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản bán hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán CADS do Công ty Cổ phần ứng dụng và phát triển phần mềm tin học cung cấp. Công ty sử dụng phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

#### Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ← - - - - - Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra và xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan như : phiếu phân tích tài khoản, CTGS và sổ đăng ký CTGS, sổ cái, sổ chi tiết.

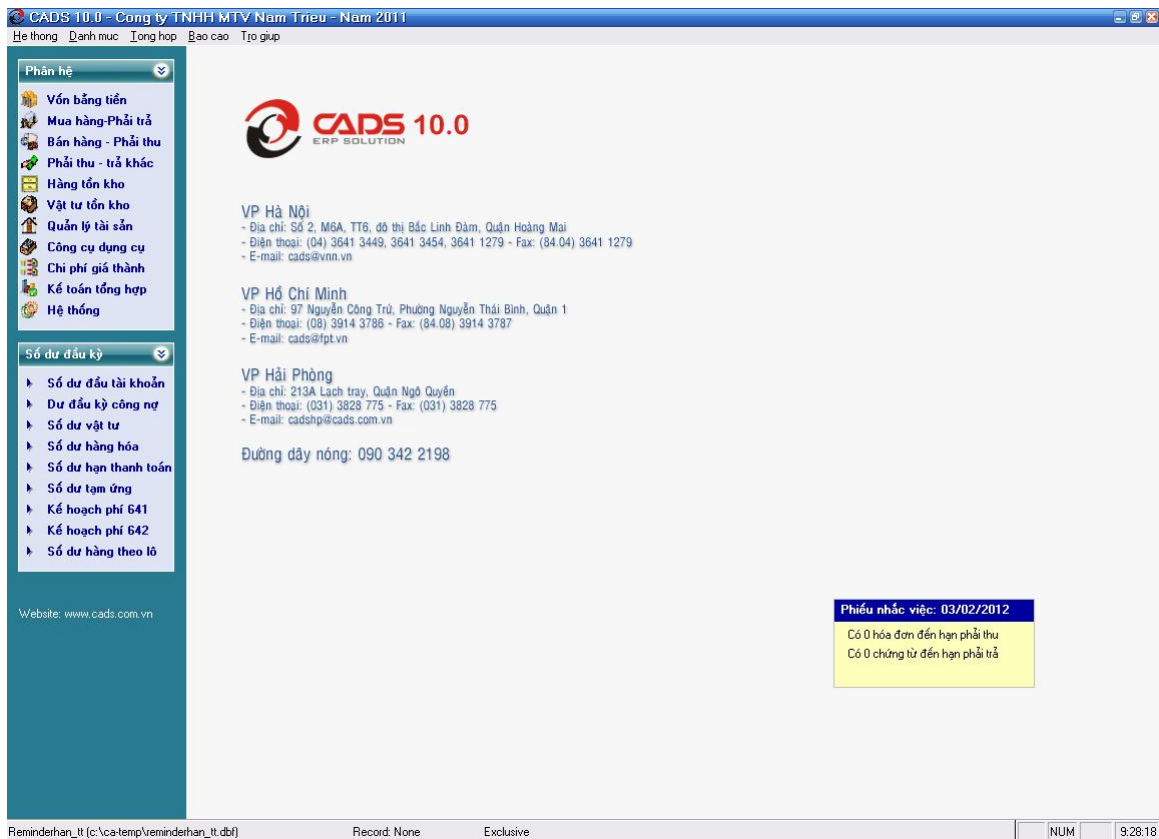
Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **CADS** , nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:

## Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán CADS



### 2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH MTV Nam Triệu là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đa ngành nghề. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm doanh thu bán các loại thành phẩm như biển xe máy, biển ô tô, tàu xuồng.... ; doanh thu bán hàng xăng dầu ; doanh thu cung cấp các dịch vụ ăn uống, giải khát, dịch vụ bảo vệ.....

Phương thức bán hàng của Công ty là phương thức bán hàng trực tiếp.

**2.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

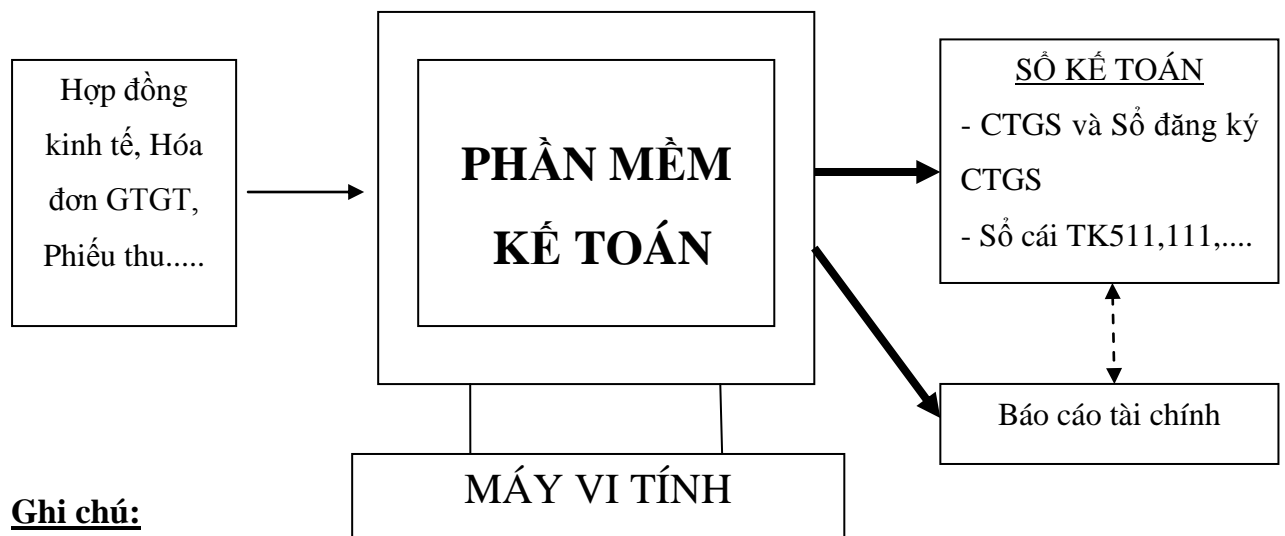
TK511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng, như:

- TK5110: Doanh thu lưu giữ phương tiện
  - TK5111: Doanh thu xăng dầu
    - + TK5111.1: Doanh thu xăng
    - + TK5111.2: Doanh thu dầu
  - TK5112: Doanh thu phản quang
    - + TK5112.1: Doanh thu biển ô tô
    - + TK5112.2: Doanh thu biển xe máy
    - + TK5112.3: Doanh thu biển báo
- .....

**2.2.1.3 Quy trình hạch toán**

*Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu*



**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

### 2.2.1.4. Ví dụ minh họa

**VD1:** Ngày 29/03/2011, Công ty hạch toán nghiệp vụ xuất bán 1000 biển xe máy cho Công an quận Kiến An, số tiền là 28.400.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 966 (*Biểu 2.1*) và Giấy nộp tiền (*Biểu 2.2*), Phiếu thu 75 (*Biểu 2.3*), kế toán lập Phiếu thu 75 trên phần mềm kế toán. Thao tác lập phiếu thu trên máy diễn ra như sau:

- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **CADS**, kế toán nhập tên và mật khẩu của người sử dụng để vào phần mềm, chọn phân hệ “**Vốn bằng tiền**”-(*Biểu 2.4*).

- Để tiến hành nhập chứng từ là phiếu thu số 75 ở VD1, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng “**Phiếu thu**”.

Chương trình sẽ hiện lên màn hình nhập liệu để kế toán thao tác cập nhật số liệu. (*Biểu 2.5*)

Để bắt đầu tạo mới một chứng từ kế toán di chuột bấm vào nút lệnh “ **mới** ” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút **F4**).

Để sửa lại một chứng từ kế toán di chuột bấm vào nút lệnh “ **sửa** ” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút **F3**).

Để lưu (ghi) lại chứng từ khi đang ở trạng thái thêm mới (hoặc sửa) kế toán bấm chuột vào nút lệnh “ **ghi** ” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút **F10**).

Để in chứng từ, kế toán di chuột bấm vào nút lệnh “ **in** ” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút **F7**).

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.1 - Hóa đơn GTGT số 966

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001																	
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P																	
<i>Liên 3: Hạch toán nội bộ</i>			Số: <b>0000966</b>																	
<i>Ngày 28 tháng 03 năm 2011</i>																				
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU</b>																				
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	3	9	6	2	0	7					
0	2	0	0	3	9	6	2	0	7											
Địa chỉ: <b>Số 280 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>																				
Điện thoại: 031.3739411			Fax: 031.3739958																	
Số tài khoản:			Tại:																	
Họ tên người mua hàng:																				
Tên đơn vị: <b>Công an quận Kiến An</b>																				
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>																				
Địa chỉ:																				
Hình thức thanh toán: <b>TM</b>			Số tài khoản:																	
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN															
1	2	3	4	5	6=4*5															
<b>1</b>	<b>Biển xe máy</b>	<b>Cái</b>	<b>1.000</b>	<b>25.818,18</b>	<b>25.818.180</b>															
	<b>15N1: 010.01 – 020.00</b>																			
Cộng tiền hàng:					<b>25.818.180</b>															
Thuế suất GTGT: <b>10%</b>			Tiền thuế GTGT:		<b>2.581.820</b>															
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>28.400.000</b>															
Số tiền viết bằng chữ: <b>Hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.</b>																				
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																				

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.2 - Giấy nộp tiền ngày 29/03/2011

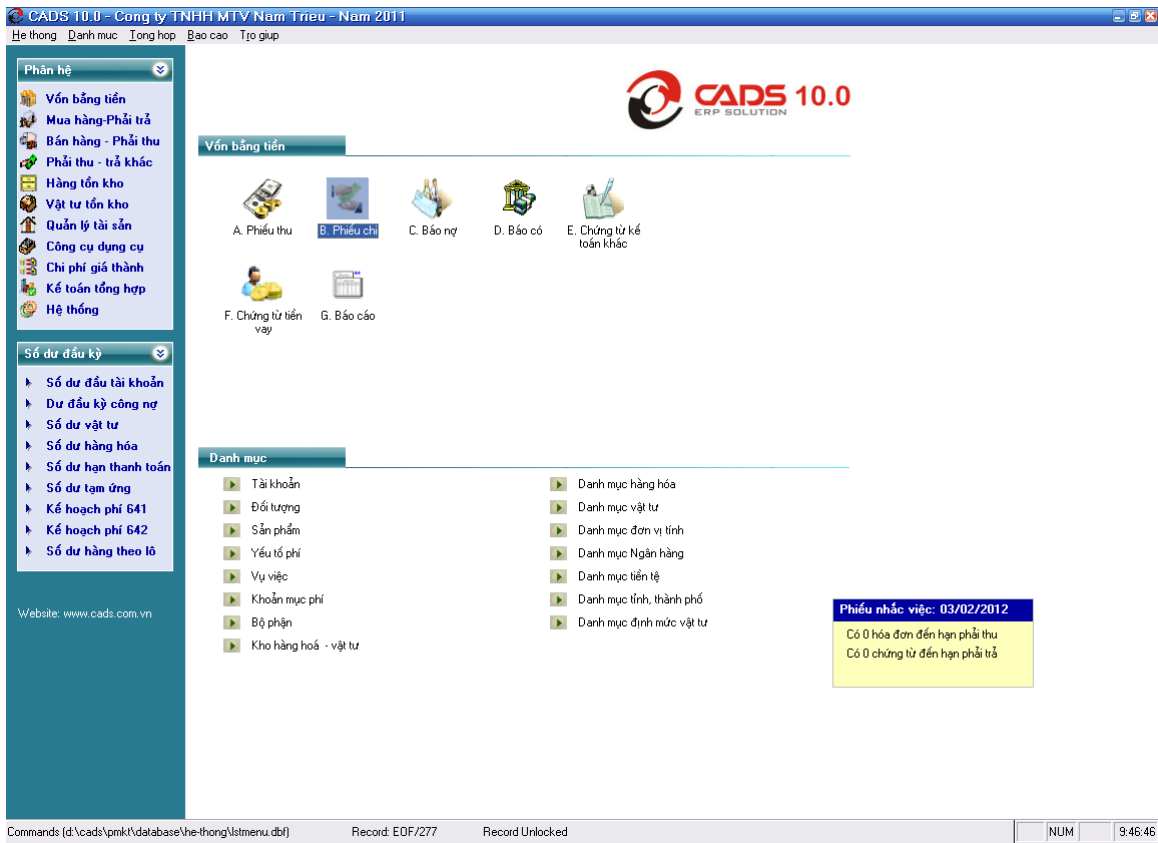
<b>UBND TP HẢI PHÒNG</b> <b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b> =====	
<b>GIẤY NỘP TIỀN</b>		
<b><u>Kính gửi:</u> TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>		
Tên người nộp: <b>Lại Thị Hồng</b>		
Lý do: <b>Nộp tiền biển xe Công an quận Kiến An</b>		
Số tiền: <b>28.400.000 đ</b>		
Bằng chữ: <b>Hai tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.</b>		
<i>Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2011</i>		
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC DUYỆT</b>	<b>KT TRƯỞNG</b>	<b>NGƯỜI NỘP</b>

## Biểu 2.3 - Phiếu thu số 75

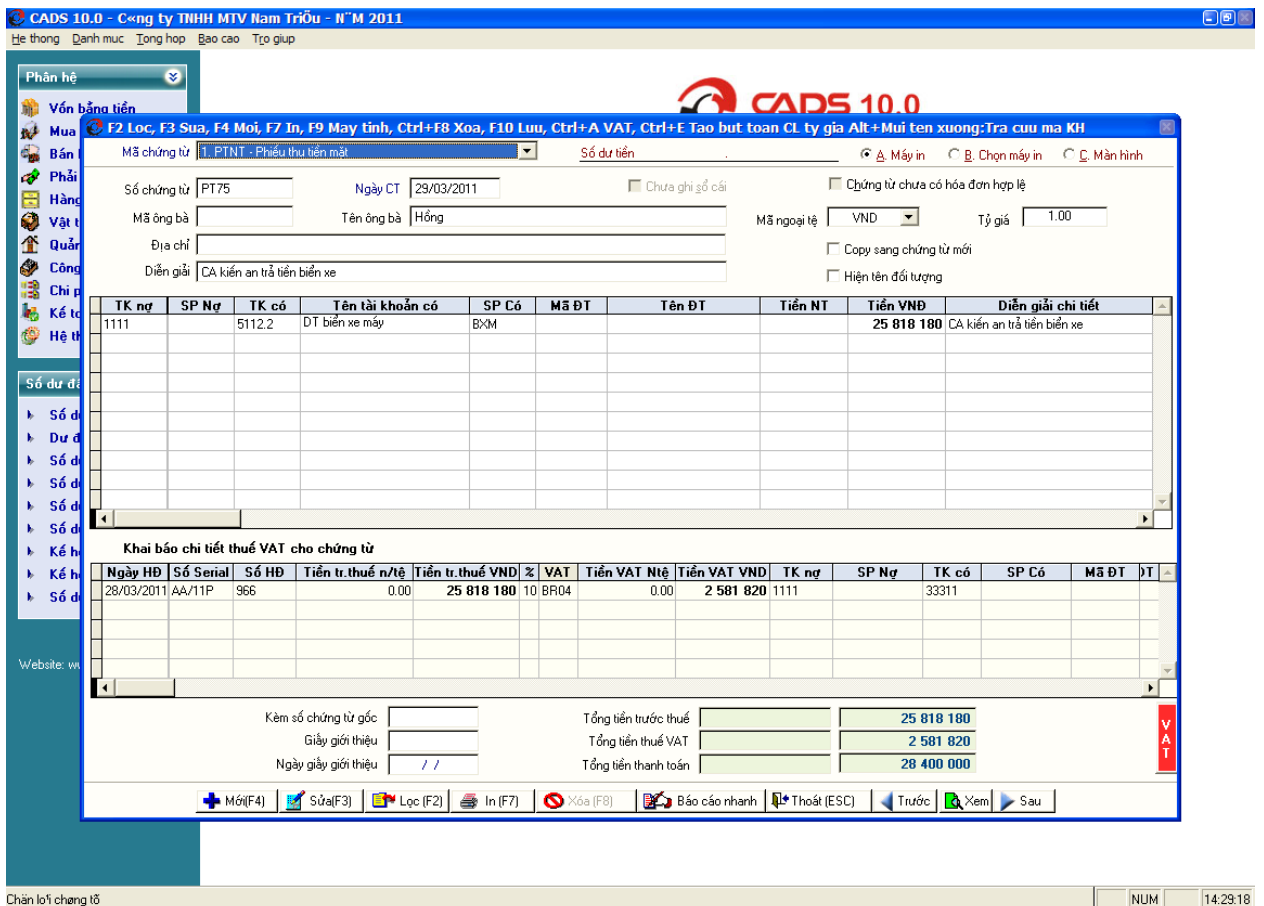
<b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b> <b>Địa chỉ: 280 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng</b> <b>Mã số thuế: 0200396207</b>	<b>Mẫu số 01-TT</b> <i>Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính</i>			
<b>PHIẾU THU</b>				
<i>Ngày 29 tháng 03 năm 2011</i>				
Số : <b>75</b>				
Số: <b>1111</b>				
Có: <b>511,3331</b>				
Họ tên người nộp tiền: <b>Lại Thị Hồng</b>				
Địa chỉ: <b>Xưởng phản quang</b>				
Lý do nộp: <b>Nộp tiền biển xe Công an quận Kiến An</b>				
Số tiền: <b>28.400.000 đ</b> (Viết bằng chữ) <b>Hai tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.</b>				
Kèm theo <b>01</b> Chứng từ kế toán				
Đã nhận đủ số tiền: <b>28.400.000 đ</b>				
<i>Ngày 29 tháng 03 năm 2011</i>				
<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)



## Biểu 2.4 – Màn hình giao diện phân hệ Vốn bằng tiền



## Biểu 2.5 - Màn hình giao diện phiếu thu số 75



**VD2:** Ngày 31/03/2011, Công ty hạch toán nghiệp vụ bán xăng A92 cho Công ty TNHH Nền Châu Á, số tiền là 12.066.000 đồng (đã bao gồm VAT10% và lệ phí xăng dầu), khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 913 ngày 29/03/2011 (*Biểu 2.6*), Hóa đơn GTGT số 925 ngày 31/03/2011 (*Biểu 2.7*), kế toán tiến hành lập phiếu kế toán khác KT44 trên phần mềm kế toán. Thao tác tương tự như VD1, nhưng thay vì lựa chọn “*Phiếu thu*” trong phân hệ “*Vốn bằng tiền*”, kế toán chọn “*Chứng từ kế toán khác*”. Màn hình nhập liệu của phiếu kế toán khác KT44 sẽ hiện ra (*Biểu 2.8*). Để in phiếu kế toán khác KT44 (*Biểu 2.9*), kế toán di chuột vào nút lệnh “*in*” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút F7). Kết quả sẽ hiện ra như sau:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.6 - Hóa đơn GTGT số 913

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P																
<i>Liên 3: Hạch toán nội bộ</i>			Số: <b>0000913</b>																
<i>Ngày 29 tháng 03 năm 2011</i>																			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU</b>																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	3	9	6	2	0	7				
0	2	0	0	3	9	6	2	0	7										
Địa chỉ: <b>Số 280 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>																			
Điện thoại: 031.3739411			Fax: 031.3739958																
Số tài khoản:			Tại:																
Họ tên người mua hàng: <b>Anh Tú</b>																			
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Nền Châu Á</b>																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	7	3	5	8	7	6				
0	2	0	0	7	3	5	8	7	6										
Địa chỉ: <b>Tiểu Trà, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng</b>																			
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:																
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN														
1	2	3	4	5	6=4*5														
<b>1</b>	<b>Xăng A92</b>	<b>Lít</b>	<b>570</b>	<b>16.636</b>	<b>9.482.520</b>														
Cộng tiền hàng:					<b>9.482.520</b>														
Thuế suất GTGT: <b>10%</b>			Tiền thuế GTGT:		<b>948.480</b>														
<b>LPXD: 570.000</b>			Tổng cộng tiền thanh toán:		<b>11.001.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ:			<b>Mười một triệu không trăm lẻ một nghìn đồng chẵn./.</b>																
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																			

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.7 - Hóa đơn GTGT số 925

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P																
<i>Liên 3: Hạch toán nội bộ</i>			Số: <b>0000925</b>																
<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2011</i>																			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU</b>																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	3	9	6	2	0	7				
0	2	0	0	3	9	6	2	0	7										
Địa chỉ: <b>Số 280 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>																			
Điện thoại: 031.3739411			Fax: 031.3739958																
Số tài khoản:			Tại:																
Họ tên người mua hàng: <b>Anh Tú</b>																			
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Nền Châu Á</b>																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	7	3	5	8	7	6				
0	2	0	0	7	3	5	8	7	6										
Địa chỉ: <b>Tiểu Trà, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng</b>																			
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:																
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN														
1	2	3	4	5	6=4*5														
<b>1</b>	<b>Xăng A92</b>	<b>Lít</b>	<b>50</b>	<b>18.455</b>	<b>922.750</b>														
Cộng tiền hàng:					<b>922.750</b>														
Thuế suất GTGT: <b>10%</b>			Tiền thuế GTGT:		<b>92.250</b>														
<b>LPXD: 50.000</b>			Tổng cộng tiền thanh toán:		<b>1.065.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ:			<b>Một triệu không trăm sáu năm nghìn đồng chẵn./.</b>																
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																			

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.8 - Màn hình giao diện phiếu kế toán khác KT44**

TK nợ	Tên tài khoản nợ	SP Nợ	TK có	Tên tài khoản có	SP Có	Mã ĐT	Tên ĐT	Tiền NT	Tiền VNĐ	Giải ch
1311	Phải thu của khách hàng		5111.1	DT xăng	XD	CTYCA	Cty TNHH nển châu á		9 482 520	Cty nển
1311	Phải thu của khách hàng		5111.1	DT xăng	XD	CTYCA	Cty TNHH nển châu á		570 000	Cty nển
1311	Phải thu của khách hàng		5111.1	DT xăng	XD	CTYCA	Cty TNHH nển châu á		922 750	Cty nển
1311	Phải thu của khách hàng		5111.1	DT xăng	XD	CTYCA	Cty TNHH nển châu á		50 000	Cty nển

Ngày HĐ	Số Serial	Số HĐ	Tiền tr. thuế n/tệ	Tiền tr. thuế VNĐ	% VAT	Tiền VAT Ntệ	Tiền VAT VNĐ	TK nợ	SP Nợ	TK có	SP Có	Mã ĐT	ĐT
29/03/2011	AA/11P	913	0.00	9 482 520	10 BR04	0.00	948 480	1311		33311		CTYCA	CT
31/03/2011	AA/11P	925	0.00	922 750	10 BR04	0.00	92 250	1311		33311		CTYCA	CT

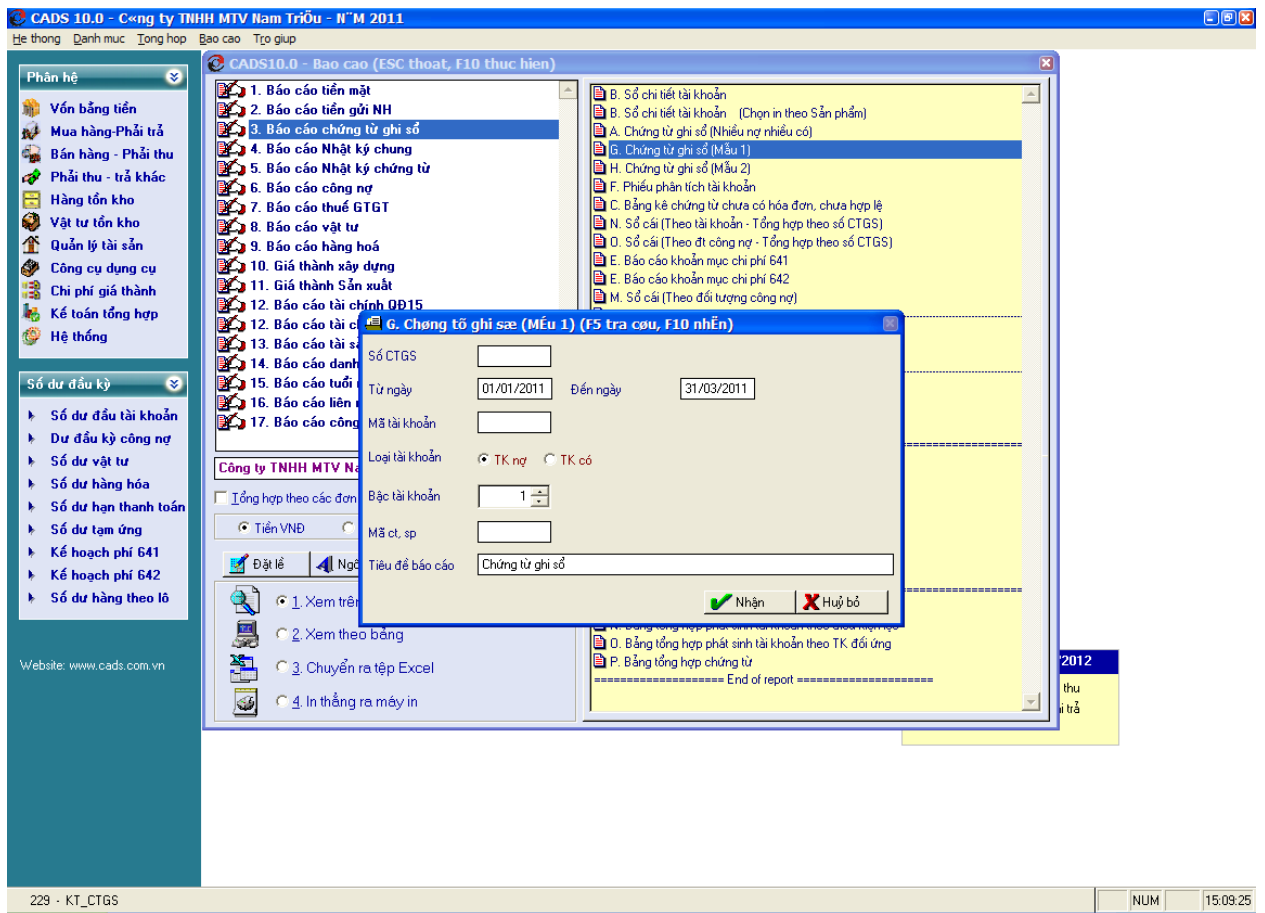
**Biểu 2.9 - Phiếu kế toán khác KT44**

<b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>	<b>Số phiếu: KT44</b>		
<b>PHIẾU KHÁC</b>			
<i>Ngày 31/03/2011</i>			
Khách hàng : Công ty TNHH Nén Châu Á			
Số tiền :	<b>12.066.000 VNĐ</b>		
Viết bằng chữ: Mười hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng./.			
Kèm theo : .....chứng từ gốc.			
<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Diễn giải</b>
1311	5111.1:XD	11.025.270	Công ty TNHH Nén Châu Á nợ tiền xăng xe
1311	33311	1.040.730	Công ty TNHH Nén Châu Á nợ tiền xăng xe
		<i>Ngày.....tháng.....năm.....</i>	
<b>Người lập phiếu</b>		<b>Kế toán trưởng</b>	

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

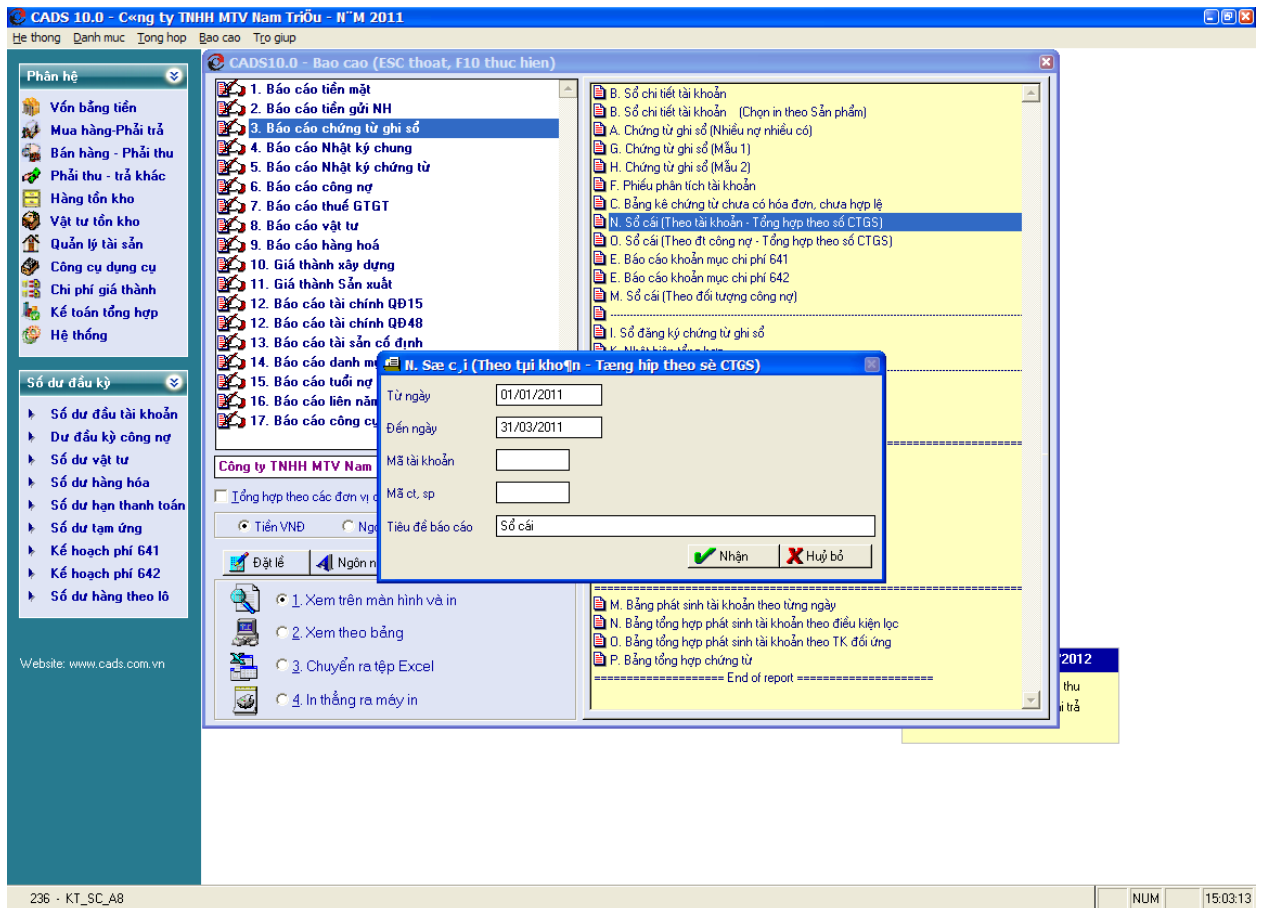
Để xem các số kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác sau:

- Từ giao diện chính của chương trình kế toán chọn mục “*Báo cáo*” trên thanh thực đơn → *Báo cáo chứng từ ghi sổ*.
- Để xem phiếu phân tích tài khoản và chứng từ ghi sổ, từ *Báo cáo chứng từ ghi sổ* → *Phiếu phân tích tài khoản/Chứng từ ghi sổ*. Nhập “Số CTGS”: 6, 16. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “*nhận*” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Để xem sổ cái và sổ chi tiết, từ Báo cáo chứng từ ghi sổ → Sổ cái/Sổ chi tiết. Nhập “mã tài khoản”: TK511. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.



### Kết quả sẽ hiện ra như sau:

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 6 (Biểu 2.10)
- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 16 (Biểu 2.11)
- Chứng từ ghi sổ số 6 (Biểu 2.12)
- Chứng từ ghi sổ số 16 (Biểu 2.13)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.14)
- Sổ cái TK511 (Biểu 2.15)
- Sổ chi tiết TK511 (Biểu 2.16)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.10 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 6

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/03/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 1111 – Tiền mặt

Số CTGS: 6

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN NỢ 1111	CÁC TÀI KHOẢN GHI: CÓ					
NGÀY	SỐ			131	141	333	338	511	711
02/03	PT54	Công an An Lão trả tiền biển xe	8.520.000	8.520.000					
03/03	PT55	Công an Thái Bình trả tiền biển xe	102.409.840	102.409.840					
08/03	PT56	Hoàn TW lương (Đặng Văn Hoạch – Phòng KTPG)	4.000.000		4.000.000				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/03	PT74	Nộp BHXH + BHTN đ/c Tuyết	5.874.240				5.874.240		
29/03	PT75	Công an Kiến An trả tiền biển xe	24.800.000			2.581.820		25.818.180	
30/03	PT76	Hoàn TW lương (Đặng Văn Hoạch – Phòng KTPG)	1.500.000		1.500.000				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PT90	Tiền bán xăng A92	658.829.939			59.130.623		626.699.316	
31/03	PT91	Mua hồ sơ thầu	500.000						500.000
31/03	PT92	Mua hồ sơ thầu	500.000						500.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.943.420.597</b>	<b>207.129.840</b>	<b>6.500.000</b>	<b>414.052.013</b>	<b>8.439.168</b>	<b>4.304.299.576</b>	<b>3.000.000</b>

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.11 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 16

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

Số CTGS: 16

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN NỢ 131	CÁC TÀI KHOẢN GHI: CÓ		
NGÀY	SỐ			333	337	511
25/01	KT01	T/toán HĐ CFC758 + CFC431 (Cty xi măng Chinfon HP)	315.967.850	28.724.350		287.243.500
25/01	KT03	XMHP nợ tiền bán vé và bảo vệ bóng đá (CLB bóng đá Vicem Hải Phòng)	88.000.000	8.000.000	80.000.000	
25/01	KT04	Cty TNHH chế tạo máy EBA nợ tiền liên hoan	50.714.400	4.610.400		46.104.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	KT40	XMHP nợ tiền bán vé và bảo vệ bóng đá (CLB bóng đá Vicem Hải Phòng)	176.000.000	16.000.000	160.000.000	
31/03	KT44	Cty TNHH Nền Châu Á nợ tiền xăng xe	12.066.000	1.040.730		11.025.270
31/03	KT45	Quận ủy quận Hải An nợ tiền xăng xe	12.432.000	1.072.200		11.359.800
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	KT56	Cty xi măng Chinfon nợ tiền v/c sét	1.086.339.772	98.758.433		987.581.339
31/03	KT58	Đội xe thị trấn minh đức v/c sét nợ tiền dầu	254.216.500	22.498.455		231.718.045
31/03	KT59	QT sửa xe ô tô CATP ( Xưởng sửa chữa ô tô)	380.977.865			380.977.865
<b>Tổng cộng</b>			<b>11.717.734.831</b>	<b>1.018.535.754</b>	<b>320.000.000</b>	<b>10.379.199.077</b>

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.12 – Chứng từ ghi sổ số 6

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

SỐ CTGS: 6

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Thu các khoản nhập quỹ				
Tiền mặt	1111		4 943 420 597	
Phải thu khách hàng		131		207 129 840
.....		.....		.....
Doanh thu bán hàng		511		4 304 299 576
Thu nhập khác		711		3 000 000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4 943 420 597</b>	<b>4 943 420 597</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

## Biểu 2.13 – Chứng từ ghi sổ số 16

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

SỐ CTGS: 16

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Phải thu khách hàng				
Phải thu của khách hàng	131		11 717 734 831	
Thuế và các khoản phải nộp NN		333		1 018 535 754
Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng		337		320 000 000
Doanh thu bán hàng		511		10 379 199 077
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11 717 734 831</b>	<b>11 717 734 831</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.14 – Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
3	31/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	5 216 515 656
4	28/02/2011	Thu các khoản nhập quỹ	4 354 746 450
5	28/02/2011	Chi các khoản phục vụ sx	4 090 335 390
6	31/03/2011	Thu các khoản nhập quỹ	4 943 420 597
7	31/03/2011	Chi các khoản phục vụ sx	5 005 012 724
8	31/03/2011	Thu các khoản TGNH	20 333 043 157
9	31/03/2011	Lãi tiền gửi XNTN	17 159
10	31/03/2011	Chi các khoản TGNH	21 891 191 932
11	31/03/2011	Chi các khoản dự án XNTN	668 999 250
12	31/03/2011	Vay quỹ đầu tư PT trả tiền xăng dầu	5 000 000 000
13	31/03/2011	Trả tiền xăng dầu	5 000 000 000
14	31/03/2011	Xuất kho phục vụ sx	6 529 226 032
15	31/03/2011	Xuất bán xăng dầu	10 859 106 796
16	31/03/2011	Phải thu khách hàng	11 717 734 831
17	31/03/2011	QT đóng tàu xuống BCA	15 801 312 000
18	31/03/2011	QT các công trình CATP	266 490 200
19	31/03/2011	Phải trả các khoản	25 970 588 580
20	31/03/2011	Hoàn TW chứng từ	367 023 500
21	31/03/2011	Kết chuyển TK133 sang TK333	2 465 768 790
23	31/03/2011	Phải trả lương CBCNV	1 267 065 777
24	31/03/2011	Hoàn TW lương	24 000 000
25	31/03/2011	Trích BHXH, YT, TN, CD	190 707 293
26	31/03/2011	Phân bổ chi phí trả trước	163 572 810
27	31/03/2011	Phải nộp các khoản thuế	447 819 301
28	31/03/2011	Kết chuyển CF sang TK154	24 612 100 424
29	31/03/2011	Kết chuyển TK 154 sang TK632, 152	26 448 135 690
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.15 – Sổ cái TK511

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ                    38 101 997 928

Phát sinh có                    38 101 997 928

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/01	1	Thu các khoản nhập quỹ	1111		3 502 289 036
28/02	4	Thu các khoản nhập quỹ	1111		3 872 634 420
31/03	6	Thu các khoản nhập quỹ	1111		4 304 299 576
31/03	16	Phải thu khách hàng	1311		10 080 203 759
31/03	16	Phải thu khách hàng	1312		298 995 318
31/03	17	QT đóng tàu xuồng BCA	1312		15 801 312 000
31/03	18	QT các công trình CATP	1312		242 263 819
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9110	55 000 910	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9111	10 945 573 134	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9112	4 063 332 921	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9113	3 883 921 472	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9114	242 263 819	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9115	15 813 063 818	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9116	384 677 865	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9117	2 673 254 898	
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9119	40 909 091	

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.16 – Sổ chi tiết TK511

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ                    38.101.997.928

Phát sinh có                    38.101.997.928

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
19/01	PT08	Tiền bán dầu DO (Thêm)	1111		22.402.575
20/01	PT09	Tiền bán xăng A92 (Thêm)	1111		24.690.000
.....	.....	.....	.....		.....
25/03	PT73	Nộp tiền thuê nhà (Trang)	1111		40.909.091
29/03	PT75	CA Kiên An trả tiền biển xe (Hồng)	1111		25.818.180
31/03	PT77	Tiền bán xăng A92 (Thêm)	1111		1.086.430.508
.....	.....	.....	.....		.....
31/03	01	K/c DT sang 5110:LGPT→5110	9110	55.000.910	
		K/c DT sang 5111.2:XD→5111.2	9111	10.945.573.134	
		K/c DT sang 5112.1:BOT→5112.1	9112	732.023.068	
		K/c DT sang 5112.2:BXM→5112.2	9112	3.326.569.853	
		K/c DT sang 5112.3:BB→5112.3	9112	4.740.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	KT43	QT sửa chữa CA trại chuối (CATP)	1312		52.915.455
31/03	KT44	Cty Nền Châu Á nợ tiền xăng xe	1311		11.025.270
31/03	KT45	Quận ủy Hải An nợ tiền xăng xe	1311		11.359.800
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	KT58	Đội xe minh đức nợ tiền dầu (Long)	1311		231.718.045
31/03	KT59	QT sửa xe ô tô CATP (Tuyển)	1311		380.977.865

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu bao gồm giá thành thành phẩm sản xuất xuất bán như biển xe máy, biển ô tô, tàu xuồng...và giá vốn hàng bán của xăng dầu. Công ty tính trị giá vốn của hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

#### 2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

TK632- Giá vốn hàng bán

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng, như:

- TK6320: Giá vốn LGPT
- TK6321: Giá vốn xăng dầu
  - + TK6321.1: Giá vốn xăng
  - + TK6321.2: Giá vốn dầu
- TK6322: Giá vốn phản quang
  - + TK6322.1: Giá vốn biển ô tô
  - + TK6322.2: Giá vốn biển xe máy
  - + TK6322.3: Giá vốn biển báo

.....

#### 2.2.2.3. Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, để tính giá vốn hàng bán, kế toán vào phân hệ “Hàng tồn kho” → Tính giá TB theo số lô, hạn dùng. Khi đó cửa sổ tính “Đơn giá trung bình tháng hàng hóa” hiện ra. Kế toán tiến hành khai báo các thông tin trong cửa sổ:

- Từ tháng đến tháng: Chọn tháng để tính giá trung bình.
- Mã kho: Chọn mã kho để tính giá (nếu bỏ qua không gõ mã kho mà bấm phím F10 để chấp nhận, thì chương trình sẽ tính cho tất cả các kho).
- Mã nhóm hàng: Nhập mã nhóm hàng nếu muốn tính theo nhóm.
- Mã hàng: Gõ mã hàng vào nếu muốn tính giá cho từng mặt hàng.

- Bấm chấp nhận hoặc phím F10 để bắt đầu tính giá trung bình.

Giá vốn hàng xuất kho trong kỳ sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp BQGQ cả kỳ và tự động nhập số liệu vào các sổ sách có liên quan.

#### 2.2.2.4. Ví dụ minh họa (Lấy lại VD2)

**VD2:** Ngày 31/03/2011, Công ty hạch toán nghiệp vụ bán xăng A92 cho Công ty TNHH Nền Châu Á, số tiền là 12.066.000 đồng (đã bao gồm VAT10% và lệ phí xăng dầu), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 913 ngày 29/03/2011 (Biểu 2.6), Hóa đơn GTGT số 925 ngày 31/03/2011 (Biểu 2.7), kế toán tiến hành lập xuất kho số 50 trên phần mềm kế toán. Thao tác lập phiếu xuất kho trên máy thực hiện như sau:

- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **CADS**, kế toán nhập tên và mật khẩu của người sử dụng để vào phần mềm, chọn phân hệ “**Hàng tồn kho**” → “**Xuất hàng**”.

- Chương trình sẽ hiện lên màn hình nhập liệu để kế toán thao tác cập nhật số liệu (cập nhật về mặt số lượng hàng xuất bán).

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp vào phân hệ “**Hàng tồn kho**” → **Tính giá TB theo số lô, hạn dùng**. Khi đó cửa sổ tính “**Đơn giá trung bình tháng hàng hóa**” hiện ra (Biểu 2.17). Tại mục “**Từ tháng đến tháng**”: chọn từ tháng 1 đến tháng 3; tại mục “**Mã kho**”: nhập “**KXD**” - Kho xăng dầu. Sau đó bấm “**Chấp nhận**” hoặc phím F10 thì giá vốn hàng xuất kho xăng dầu trong kỳ sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp BQGQ cả kỳ và tự động nhập số liệu vào màn hình nhập liệu phiếu xuất kho 50 (Biểu 2.18).

- Để in phiếu xuất kho 50 (Biểu 2.19), kế toán di chuột vào nút lệnh “**in**” trên màn hình nhập liệu (hoặc ấn nút F7).

## Biểu 2.17 - Cửa sổ đơn giá trung bình tháng hàng hóa

The screenshot shows the CADS 10.0 ERP interface. A dialog box titled "Đơn giá trung bình tháng hàng hóa" is open. It contains the following fields and options:

- Từ tháng: 1, đến tháng: 3
- Mã kho: KXD
- Mã nhóm hàng: (empty)
- Mã hàng: (empty)
- Checkbox:  Bấm vào lựa chọn này để tính giá trung bình trong trường hợp phiếu xuất vừa giá TB, vừa giá thực tế
- Buttons: Nhận, Hủy bỏ

The background interface shows a menu with categories like "Hàng tồn kho" and "Danh mục". A yellow note on the right says "Phiếu nhắc việc: 25/06/2012" with details about overdue orders and invoices.

## Biểu 2.18 - Màn hình giao diện phiếu xuất kho PX50

The screenshot displays the "Phiếu xuất kho PX50" form in CADS 10.0. The form includes the following data:

- Số CT: PX50, Ngày CT: 31/03/2011, Ông bà: Thêm
- Mã KH: (empty), Mã kho: KXD, Kho xăng dầu, Mã NT: VND, 1.00
- Diễn giải: Xuất bán Cty nền châu á
- Mã bộ phận: (empty)

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	SL tồn	SL yêu cầu	SL thực xuất	Tk nợ	SP nợ	Tk có	SP có	Khoản mục	Giá NT
A92	Xăng A92	Lit	0.00		570.00	6321.1	XD	1561			0.000
A92	Xăng A92	Lit	0.00		50.00	6321.1	XD	1561			0.000

Summary fields at the bottom:

- Tổng số lượng: 620.00
- Tổng tiền trước thuế: 9 752 324
- Tổng tiền thuế: 0
- Tổng tiền: 9 752 324



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.19 - Phiếu xuất kho PX50

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Số CT: PX50

Nợ: 6321.1

Có: 1561

Họ và tên người nhận hàng: Thêm

Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất bán Công ty TNHH Nền Châu Á

Xuất tại kho (ngăn lô): Kho xăng dầu

Địa điểm:

S T T	Mã HH	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	A92	Xăng A92	Lít	570.00		15 729	8 965 846
2	A92	Xăng A92	Lít	50.00		15 729	786 478
		<b>Cộng</b>					9752 324

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tư đồng./.

Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

- Để xem các sổ kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác như VD trước. Nhập “số CTGS”:15. Nhập “mã tài khoản”: TK632. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

### Kết quả sẽ hiện ra như sau:

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 15 (Biểu 2.20)
- Chứng từ ghi sổ số 15 (Biểu 2.21)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.22)
- Sổ cái TK632 (Biểu 2.23)
- Sổ chi tiết TK632 (Biểu 2.24)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.20 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 15

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 156 – Hàng hóa

Số CTGS: 15

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN CÓ 156	CÁC TÀI KHOẢN GHI: NỢ			
NGÀY	SỐ			627	632	641	642
19/01	PX01	Xuất bán – PT08	23.817.358		23.817.358		
20/01	PX02	Xuất bán – PT09	25.890.846		25.890.846		
20/01	PX03	Xuất bán – PT10	732.368.034		732.368.034		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX49	Xuất bán – PT87	58.388.105		58.388.105		
31/03	PX50	Xuất bán Cty nền châu á	9.752.324		9.752.324		
31/03	PX51	Xuất bán quận ủy Hải An	10.066.914		10.066.914		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX55	Xuất phục vụ công tác	37.920.488	22.916.047			15.004.441
31/03	PX57	Xuất hao hụt	47.192.413			47.192.413	
31/03	PX58	Xuất bán – PT90	558.953.319		558.953.319		
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.859.106.796</b>	<b>57.019.954</b>	<b>10.706.651.997</b>	<b>47.192.413</b>	<b>48.242.432</b>

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.21 – Chứng từ ghi sổ số 15

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

Số CTGS: 15

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Xuất bán xăng dầu				
Hàng hóa		156		10 859 106 796
Chi phí sản xuất chung	627		57 019 954	
Giá vốn hàng bán	632		10 706 651 997	
Chi phí bán hàng	641		47 192 413	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		48 242 432	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10 859 106 796</b>	<b>10 859 106 796</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

## Biểu số 2.22 – Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
...	.....	.....	.....
14	31/03/2011	Xuất kho phục vụ sx	6 529 226 032
15	31/03/2011	Xuất bán xăng dầu	10 859 106 796
16	31/03/2011	Phải thu khách hàng	11 717 734 831
...	.....	.....	.....
29	31/03/2011	Kết chuyển TK 154 sang TK632, 152	26 448 135 690
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.23 – Sổ cái TK632

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ                    35 557 624 024

Phát sinh có                    35 557 624 024

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
28/02	5	Chi các khoản phục vụ sx	1111	16 124 200	
31/03	7	Chi các khoản phục vụ sx	1111	14 173 146	
31/03	10	Chi các khoản TGNH	1121	172 016 393	
31/03	14	Xuất kho phục vụ sx	1523	555 066 333	
31/03	15	Xuất bán xăng dầu	1561	10 706 651 997	
31/03	19	Phải trả các khoản	331	120 018 013	
31/03	29	K/c TK154 sang TK632,152	154	23 973 573 942	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9110		106 129 556
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9111		10 706 651 997
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9112		3 282 161 451
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9113		3 343 397 853
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9114		215 791 067
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9115		15 247 325 645
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9116		384 677 865
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9119		2 271 488 590

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.24 – Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ                    35 557 624 024

Phát sinh có                    35 557 624 024

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
19/01	PX01	Xuất bán – PT08 (Thêm)	1561	23.817.358	
20/01	PX02	Xuất bán – PT09 (Thêm)	1561	25.890.846	
.....	.....	.....	.....	.....	
31/03	PX49	Xuất bán – PT87 (Thêm)	1561	58.388.105	
31/03	PX50	Xuất bán Cty nền châu á (Thêm)	1561	9.752.324	
31/03	PX51	Xuất bán quận ủy Hải An (Thêm)	1561	10.066.914	\
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX58	Xuất bán – PT90 (Thêm)	1561	558953.319	
31/03	07	K/c giá vốn 154:BB→632:BB	154:BB	3.720.000	
		K/c giá vốn 154:BOT→632:BOT	154:BOT	717.396.867	
		K/c giá vốn 154:BXM→632:BXM	154:BXM	2.561.044.584	
		K/c giá vốn 154:NH→632:NH	154:NH	2.271.488.590	
		.....	.....	.....	
31/03	09	K/c giá vốn 632:BB→911:BB	9112		3.720.000
		K/c giá vốn 632:BOT→911:BOT	9112		717.396.867
		K/c giá vốn 632:BXM→911:BXM	9112		2.561.044.584
		K/c giá vốn 632:NH→911:NH	9117		2.271.488.590
		.....	.....		.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## 2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, doanh thu hoạt động tài chính chỉ gồm các khoản lãi tiền gửi từ ngân hàng; chi phí tài chính của Công ty chỉ gồm tiền lãi vay quỹ đầu tư phát triển của thành phố.

### 2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

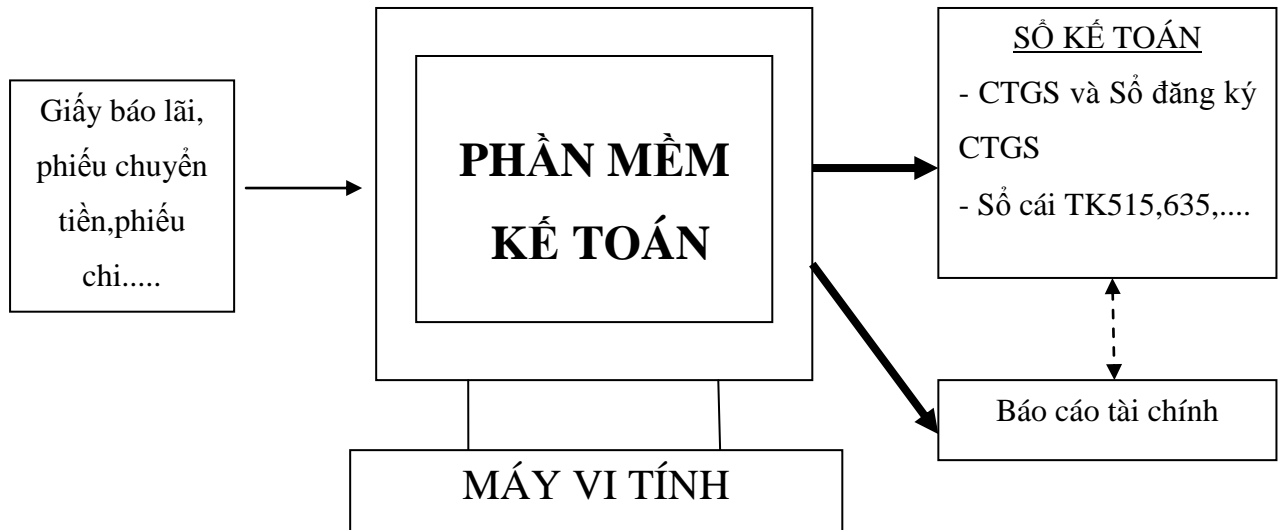
- Giấy báo lãi, phiếu chuyển tiền
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

### 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK635: Chi phí tài chính

### 2.2.3.3. Quy trình hạch toán

*Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH MTV Nam Triệu*



#### **Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

### 2.2.3.4. Ví dụ minh họa

**VD3:** Ngày 31/01/2011, Công ty nhận được giấy báo lãi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Lê Chân thông báo về lãi tiền gửi, số tiền là 5.238.339 đồng, lãi suất 3%/năm.

Căn cứ vào Giấy báo lãi ngày 31/01/2011 (*Biểu 2.25*), kế toán tiến hành lập Giấy báo có (Giấy báo lãi) trên phần mềm kế toán. Thao tác thực hiện tương tự như VD1, kế toán chọn phân hệ *Vốn bằng tiền* → *Báo có*. Màn hình nhập liệu của Giấy báo lãi sẽ hiện ra (*Biểu 2.26*).

**VD4:** Ngày 21/03/2011, Công ty trả lãi tiền vay quỹ đầu tư, số tiền là 18.666.700 đồng, lãi suất 4,8%/năm.

Căn cứ vào Bảng kê số dư tích số tính lãi ngày 21/03/2011 (*Biểu 2.27*), Giấy đề nghị thanh toán ngày 31/01/2011 (*Biểu 2.28*), Phiếu chi số 145 (*Biểu 2.29*), kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 145 trên phần mềm kế toán. Thao tác thực hiện tương tự như VD1, kế toán chọn phân hệ *Vốn bằng tiền* → *Phiếu chi*. Màn hình nhập liệu của Phiếu chi 145 sẽ hiện ra (*Biểu 2.30*).

### ***Biểu 2.25 - Giấy báo lãi ngày 31/01/2011***

00164 CN LE CHAN – NHTMCP CONG THUONG VN

#### GIAY BAO LAI

(Tu ngay 1/01/2011 den het ngay 31/01/2011)

Kinh gui: CTY TNHH MOT THANH VIEN NAM TRIEU

Chung toi da tinh lai den cuoi ngay 31/01/2011 tai khoan so: 102010000208035

mo tai ngan hang chung toi voi lai suat va so tien nhu sau:

Lai suat(%/nam): 3.000000000 So tien lai: 5,238,339.00 VND

Ngan hang: CN LE CHAN – NHTMCP CONG THUONG VN

Kinh bao

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.26 - Màn hình giao diện giấy báo lãi ngày 31/01/2011**

The screenshot shows the CADS 10.0 software interface. The main window displays a form for entering loan interest data. The title bar reads "CADS 10.0 - Công ty TNHH MTV Nam Triệu - N^M 2011". The menu bar includes "Hệ thống", "Danh mục", "Tổng hợp", "Báo cáo", and "Trợ giúp". The toolbar contains icons for "Phân hệ", "Vốn bằng tiền", "Mua", "Bán", "Phải", "Hàng", "Vật t", "Quản", "Công", "Chi p", "Kế t", and "Hệ t". The main area has a "Số dư đầu" section with a tree view. The central form includes fields for "Mã chứng từ", "Số chứng từ", "Ngày CT", "Mã ông bà", "Tên ông bà", "Mã ngoại tệ", "Tỷ giá", "Diễn giải", and "Lãi tiền gửi". Below these are two tables: one for "Khai báo chi tiết thuế VAT cho chứng từ" and another for "Khai báo chi tiết thuế VAT cho chứng từ" with columns for "Ngày HĐ", "Số Serial", "Số HĐ", "Tiền tr. thuế n/tệ", "Tiền tr. thuế VND", "VAT", "Tiền VAT N/tệ", "Tiền VAT VND", "TK nợ", "SP Nợ", "TK có", "SP Có", "Mã ĐT", and "ĐT". At the bottom, there are fields for "Kèm số chứng từ gốc", "Giấy giới thiệu", "Ngày giấy giới thiệu", "Tổng tiền trước thuế", "Tổng tiền thuế VAT", and "Tổng tiền thanh toán". The status bar at the bottom shows "NUM" and "14:36:52".

**Biểu 2.27- Bảng kê số dư tích số tính lãi ngày 21/03/2011**

## BẢNG KÊ SỐ DƯ TÍCH SỐ TÍNH LÃI

Từ ngày 21/02/2011 đến ngày 20/03/2011

22001 – Công ty TNHH MTV Nam Triệu

25111 – Cho vay ngắn hạn dưới 360 ngày – Nợ cho vay trong hạn

Ngày	Số dư	Ngày	Số dư	Ngày	Số dư
21/02	5.000.000.000	03/03	5.000.000.000	13/03	5.000.000.000
22/02	5.000.000.000	04/03	5.000.000.000	14/03	5.000.000.000
23/02	5.000.000.000	05/03	5.000.000.000	15/03	5.000.000.000
24/02	5.000.000.000	06/03	5.000.000.000	16/03	5.000.000.000
25/02	5.000.000.000	07/03	5.000.000.000	17/03	5.000.000.000
26/02	5.000.000.000	08/03	5.000.000.000	18/03	5.000.000.000
27/02	5.000.000.000	09/03	5.000.000.000	19/03	5.000.000.000
28/02	5.000.000.000	10/03	5.000.000.000	20/03	5.000.000.000
01/03	5.000.000.000	11/03	5.000.000.000	21/03	
02/03	5.000.000.000	12/03	5.000.000.000	22/03	
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>		<b>50.000.000.000</b>		<b>40.000.000.000</b>

Lãi tính được:  $140.000.000.000 * 4,800\% / 360 = 18.666.700$

Bằng chữ: Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn./.

Ngày 21 tháng 03 năm 2011

Kế toán

Trưởng phòng Kế toán



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

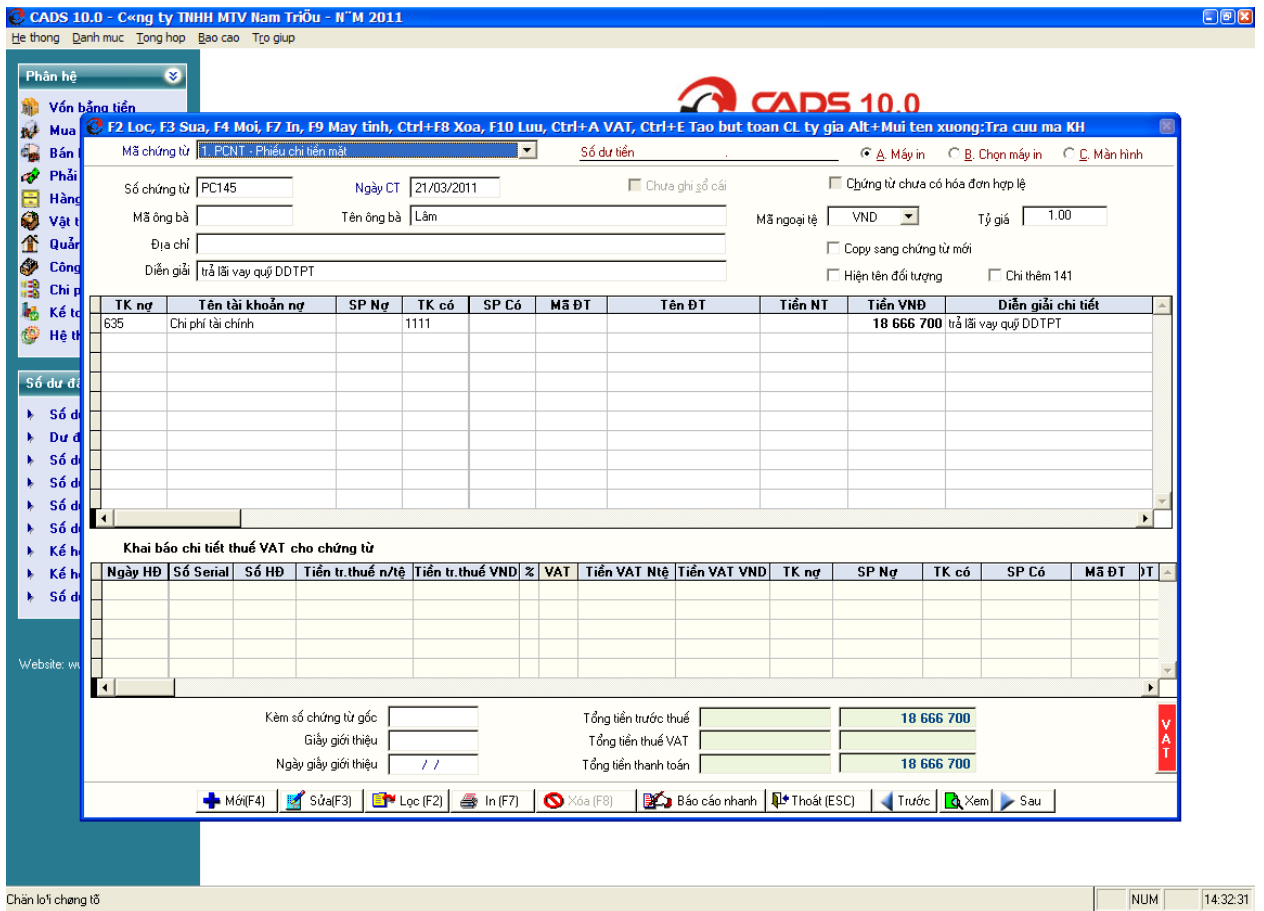
## Biểu 2.28 - Giấy đề nghị thanh toán ngày 21/03/2011

<b>UBND TP HẢI PHÒNG</b> <b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b>	
=====		
<b>GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN</b>		
<b><u>Kính gửi:</u> TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>		
Tên người đề nghị: <b>Ngô Mai Lâm</b>		
Lý do: <b>Thanh toán tiền trả lãi vay quỹ đầu tư</b>		
Số tiền: <b>18.666.700 đ</b>		
Bằng chữ: <b>Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn./.</b>		
<i>Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2011</i>		
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC DUYỆT</b>	<b>KT TRƯỞNG</b>	<b>NGƯỜI ĐỀ NGHỊ</b>

## Biểu 2.29 - Phiếu chi số 145

<b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b> <b>Địa chỉ: 280 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng</b> <b>Mã số thuế: 0200396207</b>	<b>Mẫu số 01-TT</b> <i>Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính</i>			
<b>PHIẾU CHI</b>				
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2011</i>				
Số : <b>145</b>				
Số: <b>635</b>				
Số: <b>111</b>				
Họ tên người nhận tiền: <b>Ngô Mai Lâm</b>				
Địa chỉ:				
Lý do chi: <b>Thanh toán tiền lãi vay quỹ đầu tư</b>				
Số tiền: <b>18.666.700 đ</b> (Viết bằng chữ) <b>Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn./.</b>				
Kèm theo <b>01</b> Chứng từ kế toán				
Đã nhận đủ số tiền: <b>18.666.700 đ</b>				
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2011</i>				
<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)

***Biểu 2.30 - Màn hình giao diện phiếu chỉ số 145***



- Để xem các sổ kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác như VD trước. Nhập “số CTGS”: 8,7. Nhập “mã tài khoản”: TK515,635. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

**Kết quả sẽ hiện ra như sau:**

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 8 (Biểu 2.31)
- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 7 (Biểu 2.32)
- Chứng từ ghi sổ số 8 (Biểu 2.33)
- Chứng từ ghi sổ số 7 (Biểu 2.34)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.35)
- Sổ cái TK515 (Biểu 2.36)
- Sổ cái TK635 (Biểu 2.37)
- Sổ chi tiết TK515 (Biểu 2.38)
- Sổ chi tiết TK635 (Biểu 2.39)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.31 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 8**

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

## PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 1121 – Tiền VNĐ gửi ngân hàng Lê Chân

**SỐ CTGS: 8**

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN NỢ 1121	CÁC TÀI KHOẢN GHI: CÓ				
NGÀY	SỐ			112	131	311	331	515
11/01	LCC051	Trả tiền s/c tàu (Cty CP nạo vét & XD thái bình dương)	172.050.000		172.050.000			
12/01	GBC	Trả tiền biển xe (CA Quảng Ninh)	339.469.700		339.469.700			
13/01	LCC461	Trả tiền hàng ( Cty xi măng ChinfonHP)	35.293.500		35.293.500			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
29/01	PCT202	Trả tiền tiết kiệm	848.645.681	800.000.000				48.645.681
31/01	GBL	Lãi tiền gửi	5.238.339					5.238.339
08/02	LCTD	Trả tiền tàu CA Huế (Tổng cục hậu cần kỹ thuật – Bộ CA)	1.617.817.000		1.617.817.000			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
29/03	LCC151	Trả tiền s/c ô tô (Xưởng s/c ô tô)	145.000.000		145.000.000			
30/03	GNN01	Vay ngân hàng trả tiền xăng dầu	1.690.060.643			1.690.060.643		
31/03	GBL	Lãi tiền gửi	2.708.513					2.708.513
Tổng cộng			20.333.043.157	6.800.000.000	11.583.073.902	1.690.060.643	16.500.000	243.408.612

Ngày..... tháng ..... năm 2011

**KẾ TOÁN GHI SỔ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.32 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 7**

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

## PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/03/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 1111 – Tiền mặt

**Số CTGS: 7**

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN CÓ 1111	CÁC TÀI KHOẢN GHI: NỢ						
NGÀY	SỐ			112	133	141	152	331	334	635
01/03	PC110	Thanh toán tiền điện a50	295.000							
01/03	PC111	Nộp vào TK	301.928.000	301.928.000						
02/03	PC112	Tiền cước điện thoại	102.383							
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/03	PC144	Phí BH v/c 3 buồng chuông bộ	11.220.000		1.020.000					
21/03	PC145	Trả lãi vay quỹ ĐTPPT	18.666.700							18.666.700
21/03	PC146	Nộp vào TK	377.500.000	377.500.000						
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PC169	CF bảo quản, giao nhận biển xe	29.925.000							
31/03	PC170	Mua vật tư nhập kho	6.254.000		234.000		6.020.000			
31/03	PC171	T/toán các khoản phục vụ NH	835.882.367		9.353.164				75.461.286	
Tổng cộng			5.005.012.724	2.605.828.000	27.204.521	120.000.000	10.950.000	350.850.000	361.431.337	18.666.700

*Ngày..... tháng ..... năm 2011*

**KẾ TOÁN GHI SỔ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.33 – Chứng từ ghi sổ số 8

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

Số CTGS: 8

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Thu các khoản TGNH				
Tiền VNĐ gửi ngân hàng Lê Chân	1121		20 333 043 157	
Tiền gửi ngân hàng		112		6 800 000 000
Phải thu khách hàng		131		11 583 073 902
Vay ngắn hạn		311		1 690 060 643
Phải trả cho người bán		331		16 500 000
Doanh thu hoạt động tài chính		515		243 408 612
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>20 333 043 157</b>	<b>20 333 043 157</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

## Biểu 2.34 – Chứng từ ghi sổ số 7

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

Số CTGS: 7

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Chi các khoản phục vụ sx				
Tiền mặt		1111		5.005.012.724
Tiền gửi ngân hàng	112		2 605 828 000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133		27 204 521	
.....	.....		.....	
Chi phí tài chính	635		18 666 700	
Chi phí bán hàng	641		5 004 663	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		50 685 403	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.005.012.724</b>	<b>5.005.012.724</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.35 – Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
...	.....	.....	.....
6	31/03/2011	Thu các khoản nhập quỹ	4 943 420 597
7	31/03/2011	Chi các khoản phục vụ sx	5 005 012 724
8	31/03/2011	Thu các khoản TGNH	20 333 043 157
9	31/03/2011	Lãi tiền gửi XNTN	17 159
...	.....	.....	.....
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

## Biểu 2.36 – Sổ cái TK515

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 243 425 771

Phát sinh có 243 425 771

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03 8	Thu các khoản TGNH	1121		243 408 612
31/03 9	Lãi tiền gửi XNTN	1124		17 159
31/03 30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9119	143 425 771	

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.37 – Sổ cái TK635

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 19 864 800

Phát sinh có 19 864 800

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
28/02	5	Chi các khoản phục vụ sx	1111	1 198 100	
31/03	7	Chi các khoản phục vụ sx	1111	18 666 700	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9119		19 864 800

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

## Biểu 2.38 – Sổ chi tiết TK515

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 243 425 771

Phát sinh có 243 425 771

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
24/01	PCT003	Trả tiền tiết kiệm	1121		126.041.927
29/01	PCT202	Trả tiền tiết kiệm	1121		48.645.681
31/01	GBL	Lãi tiền gửi	1121		5.238.339
31/01	GBL	Lãi tiền gửi	1124		17.159
.....	.....	.....	.....		.....
31/03	02	K/c DT hoạt động tài chính 515→911	9119:TN	243.425.771	

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.39 – Sổ chi tiết TK635

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 19.864.800

Phát sinh có 19.864.800

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
23/02	PC90	Trả lãi vay quỹ ĐTP	1111	1.198.100	
21/03	PC145	Trả lãi vay quỹ ĐTP	1111	18.666.700	
31/03	08	K/c chi phí tài chính 635→911	9119:TN		19.864.800

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

#### 2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng,....

Chi phí QLDN tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng,.....

##### 2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, lệnh chi
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

##### 2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK641: Chi phí bán hàng

- Các tài khoản cấp 2:
  - TK6411: Chi phí nhân viên



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

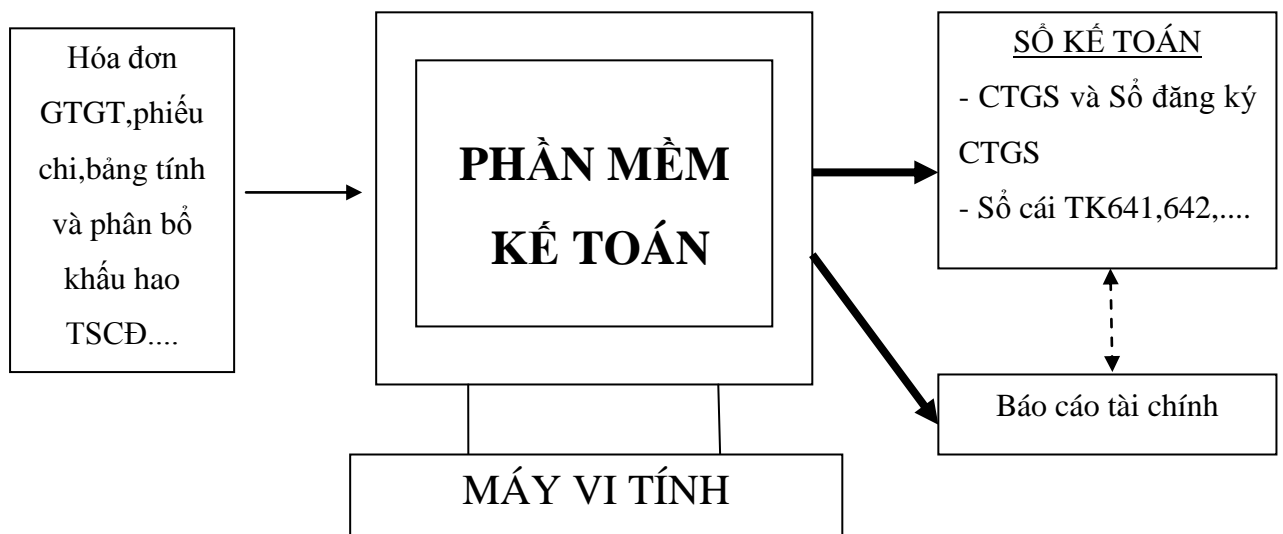
TK642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

### 2.2.4.3. Quy trình hạch toán

*Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp  
tại công ty TNHH MTV Nam Triệu*



#### Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

### 2.2.4.4. Ví dụ minh họa

**VD5:** Ngày 31/03/2011, Xuất hao hụt xăng dầu dựa theo biên bản xác nhận lượng hao hụt xăng dầu ngày 31/03/2011, số tiền là 47.192.413 đồng.

**VD6:** Ngày 31/03/2011, Xuất xăng dầu phục vụ công tác, số tiền là 37.920.488 đồng.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thao tác thực hiện tương tự các VD2. Căn cứ vào Biên bản xác nhận hao hụt xăng dầu ngày 31/03/2011 (*Biểu 2.40*), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho 57, 55 trên phần mềm kế toán. Kết quả hiện ra như sau:

## **Biểu 2.40 – Biên bản xác nhận hao hụt xăng dầu ngày 31/03/2011**

UBND TP HẢI PHÒNG  
CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### **BIÊN BẢN**

#### **XÁC NHẬN LƯỢNG HAO HỤT XĂNG DẦU**

- Căn cứ vào Quyết định số 0677/XD-QLKT-QĐ của Công ty xăng dầu khu vực III ngày 10/02/2009 về việc giao khoán hao hụt cho các cửa hàng.
- Căn cứ vào kế hoạch bán xăng dầu năm 2011 của Công ty giao cho cửa hàng xăng dầu. Hôm nay ngày 31 tháng 03 năm 2011 tại Cửa hàng xăng dầu, chúng tôi gồm có:
  1. Đ/c Nguyễn Văn Hải - Cửa hàng trưởng
  2. Đ/c Đặng Thị Thêm - Thủ kho
  3. Đ/c Nguyễn Thị Hường - Kế toán theo dõiCùng nhau tiến hành xác định lượng hao hụt xăng dầu nhập – bán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011 như sau:

1)- Hao hụt khâu nhập – xuất:

* <b>Xăng A92</b>	Tổng nhập: 607.935 lít		
	Tổng xuất: 582.226 lít		
Hao hụt:	$\frac{607.935 + 582.226}{2}$	*0,47%	=2.796,5 lít

* <b>Dầu DO</b>	Tổng nhập: 85.422 lít		
	Tổng xuất: 69.544 lít		
Hao hụt:	$\frac{85.422 + 69.544}{2}$	*0,22%	= 170 lít

2)- Hao hụt khâu vận tải:

* <b>Xăng A92</b>	$\frac{607.935 * 15\text{km}}{100}$	*0,05%	= 45,5 lít
* <b>Dầu Do</b>	$\frac{85.422 * 15\text{km}}{100}$	*0,03%	= 4 lít

#### **Tổng hợp:**

- Xăng A92 : **2842,0 lít**
- Dầu DO : **174,0 lít**

Kiểm kê kết thúc 17 giờ 30 cùng ngày, tất cả mọi người đều nhất trí với số liệu trên. Biên bản được lập thành 2 bản như nhau, Cửa hàng xăng dầu giữ 1 bản. Công ty giữ 1 bản.

**CỬA HÀNG XĂNG DẦU**  
Cửa hàng trưởng      Thủ kho

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**KẾ TOÁN THEO DÕI**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

***Biểu 2.41 - Màn hình giao diện phiếu xuất kho PX57***

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	SL tồn	SL yêu cầu	SL thực xuất	Tk nợ	SP nợ	Tk có	SP có	Khoản mục	Giá NT
A92	Xăng A92	Lít	0.00		2 842.00	6418		1561			0.000
DO	Đầu DIEZEN	Lít	0.00		174.00	6418		1561			0.000
<b>Tổng số lượng</b>											<b>3 016.00</b>
<b>Tổng tiền trước thuế</b>											<b>47 192 413</b>
<b>Tổng tiền thuế</b>											<b>0</b>
<b>Tổng tiền</b>											<b>47 192 413</b>

***Biểu 2.42 - Phiếu xuất kho PX57***

**CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

## PHIẾU XUẤT KHO

*Ngày 31 tháng 03 năm 2011*

**SỐ CT: PX57**

**Nợ: 6418**

**Có: 1561**

Họ và tên người nhận hàng: Thêm Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất hao hụt

Xuất tại kho (ngăn lô): Kho xăng dầu Địa điểm:

S T T	Mã HH	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	A92	Xăng A92	Lít	2840		15 729	44 703 392
2	DO	Đầu DIEZEN	Lít	174		14 304	2 489 021
<b>Cộng</b>							<b>47 192 413</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm mười ba đồng./.

Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nhận hàng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ kho</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên)</i>
---	---	---------------------------------------	--	--

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.43 - Màn hình giao diện phiếu xuất kho PX55**

**CADS 10.0 - Công ty TNHH MTV Nam Triệu - N^M 2011**

Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Báo cáo | Trợ giúp

**Phiên hệ**

Vốn bằng tiền

Mua: F2 Lọc, F3 Sũa, F4 Mũi, F7 In, F8 Xoa, F9 Máy tính, F10 ghi, F11 Khong ghi, F12 xem, Ctrl+A thuê VAT, Ctrl+F Nhập chi phí

Bán: Mã chứng từ: 02.XHAN - Phiếu xuất hàng, giá trung bình

Phải: Số CT: PX55 Ngày CT: 31/03/2011 Ông bà: Thêm

Hàng: Mã KH: Mã kho: KXD Kho xăng dầu MS thuế: Mã NT: VND 1.00

Vật t: Diễn giải: Xuất phục vụ công tác

Quản: Mã bộ phận:

Công: Chi p: Kế t: Hệ t:

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	SL tồn	SL yêu cầu	SL thực xuất	Tk nợ	SP nợ	Tk có	SP có	Khoản mục	Giá NT
A92	Xăng A92	Lít	0.00		722.00	6428		1561			0.000
DO	Dầu DIEZEN	Lít	0.00		255.00	6428		1561			0.000
A92	Xăng A92	Lít	0.00		20.00	6272		1561			0.000
DO	Dầu DIEZEN	Lít	0.00		280.00	6272		1561			0.000
DO	Dầu DIEZEN	Lít	0.00		300.00	6274	XYDCA	1561			0.000
DO	Dầu DIEZEN	Lít	0.00		1 000.00	6275	DTAU	1561			0.000

Tổng số lượng: 2 577.00

Tổng tiền trước thuế: 37 920 488

Tổng tiền thuế: 0

Tổng tiền: 37 920 488

Website: w

Record: 1/6 Exclusive NUM 14:39:14

**Biểu 2.44 - Phiếu xuất kho PX55**

**CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

**PHIẾU XUẤT KHO**      Nợ: 6428,627

Ngày 31 tháng 03 năm 2011      Có: 1561

Số CT: PX55

Họ và tên người nhận hàng: Thêm      Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất phục vụ công tác

Xuất tại kho (ngăn lô): Kho xăng dầu      Địa điểm:

S T T	Mã HH	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	A92	Xăng A92	Lít	722		15 729	11 356 738
2	DO	Dầu DIEZEN	Lít	255		14 304	3 647 703
3	A92	Xăng A92	Lít	20		15 729	314 591
4	DO	Dầu DIEZEN	Lít	280		14 304	4 005 321
5	DO	Dầu DIEZEN	Lít	300		14 304	4 291 416
6	DO	Dầu DIEZEN	Lít	1000		14 304	14 304 719
<b>Cộng</b>							<b>37 920 488</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng./.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Để xem các sổ kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác như VD trước. Nhập “số CTGS”: 15. Nhập “mã tài khoản”: TK641, 642. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

### **Kết quả sẽ hiện ra như sau:**

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 15 (*Biểu 2.45*)
- Chứng từ ghi sổ số 15 (*Biểu 2.46*)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (*Biểu 2.47*)
- Sổ cái TK641 (*Biểu 2.48*)
- Sổ cái TK642 (*Biểu 2.49*)
- Sổ chi tiết TK641 (*Biểu 2.50*)
- Sổ chi tiết TK642 (*Biểu 2.51*)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.45 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 15

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 156 – Hàng hóa

Số CTGS: 15

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN CÓ 156	CÁC TÀI KHOẢN GHI: NỢ			
NGÀY	SỐ			627	632	641	642
19/01	PX01	Xuất bán – PT08	23.817.358		23.817.358		
20/01	PX02	Xuất bán – PT09	25.890.846		25.890.846		
20/01	PX03	Xuất bán – PT10	732.368.034		732.368.034		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX49	Xuất bán – PT87	58.388.105		58.388.105		
31/03	PX50	Xuất bán Cty nền châu á	9.752.324		9.752.324		
31/03	PX51	Xuất bán quận ủy Hải An	10.066.914		10.066.914		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX55	Xuất phục vụ công tác	37.920.488	22.916.047			15.004.441
31/03	PX57	Xuất hao hụt	47.192.413			47.192.413	
31/03	PX58	Xuất bán – PT90	558.953.319		558.953.319		
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.859.106.796</b>	<b>57.019.954</b>	<b>10.706.651.997</b>	<b>47.192.413</b>	<b>48.242.432</b>

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.46 – Chứng từ ghi sổ số 15

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

Số CTGS: 15

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Xuất bán xăng dầu				
Hàng hóa		156		10 859 106 796
Chi phí sản xuất chung	627		57 019 954	
Giá vốn hàng bán	632		10 706 651 997	
Chi phí bán hàng	641		47 192 413	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		48 242 432	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10 859 106 796</b>	<b>10 859 106 796</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

## Biểu 2.47 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
...	.....	.....	.....
14	31/03/2011	Xuất kho phục vụ sx	6 529 226 032
15	31/03/2011	Xuất bán xăng dầu	10 859 106 796
16	31/03/2011	Phải thu khách hàng	11 717 734 831
...	.....	.....	.....
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.48 – Sổ cái TK641

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 153 723 641

Phát sinh có 153 723 641

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/01	3	Chi các khoản phục vụ sx	1111	283 000	
31/03	7	Chi các khoản phục vụ sx	1111	5 004 663	
31/03	15	Xuất bán xăng dầu	1561	47 192 413	
31/03	23	Phải trả lương CBCNV	3342	74 794 258	
.....	...	.....	.....	.....	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9111		153 723 641
31/03	31*	Trích khấu hao TSCĐ	2141	11 753 385	

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

## Biểu 2.49 – Sổ cái TK642

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 960 816 783

Phát sinh có 960 816 783

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
23/01	2	Chi các khoản phục vụ sx	1111	71 041 749	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	15	Xuất bán xăng dầu	1561	48 242 432	
31/03	23	Phải trả lương CBCNV	3341	170 538 765	
.....	.....	.....	.....	.....	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9112		254 876 629
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9113		275 851 969
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9115		174 637 734
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9117		255 450 451
31/03	31*	Trích khấu hao TSCĐ	2141	100 275 241	

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.50 – Sổ chi tiết TK641

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 153.723.641

Phát sinh có 153.723.641

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX57	Xuất hao hụt (Thêm)	1561	47.192.413	
31/03	10	K/c CF bán hàng 6411→911	9111:XD		89.490.180
		K/c CF bán hàng 6414→911	9111:XD		11.753.385
		K/c CF bán hàng 6418→911	9111:XD		52.480.076
31/03	3	Khấu hao TSCĐ tháng 03	2141	3.917.795	
31/03	KT60	Phải trả lương CBCNV quý 1/2011	3342	74.794.258	
31/03	KT62	Trích BHXH, YT, TN, CĐ	3389	670.213	
		.....	.....	.....	.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## Biểu 2.51 – Sổ chi tiết TK642

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 960.816.783

Phát sinh có 960.816.783

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PC165	Đặt báo quý 1/2011	1111	4.430.600	
31/03	PX55	Xuất phục vụ công tác (Thêm)	1561	15.004.441	
31/03	02	Phân bổ CFQL 6421→911:NH	9117:NH		94.272.250
		Phân bổ CFQL 6421→911:BXM	9112:BXM		105.056.516
		.....	.....	.....	.....
31/03	3	Khấu hao TSCĐ tháng 03	2141	33.414.428	
31/03	KT60	Phải trả lương CBCNV quý 1/2011	3341	170.538.765	
		Phải trả lương CBCNV quý 1/2011	3342	217.723.458	
31/03	KT62	Trích BHXH, YT, TN, CĐ	3384	3.096.003	
		.....	.....	.....	.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 2.2.5. Kế toán thu nhập khác

Tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, thu nhập khác bao gồm tiền thu từ việc bán hồ sơ thầu.

#### 2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

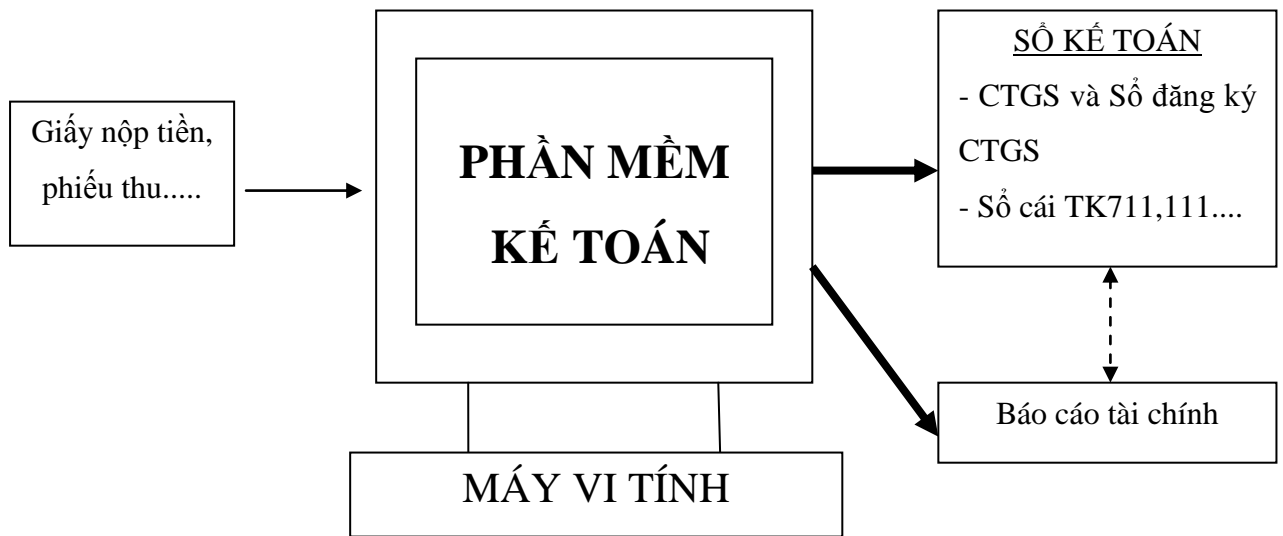
- Giấy nộp tiền, phiếu thu

#### 2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

TK 711: Thu nhập khác

#### 2.2.5.3. Quy trình hạch toán

*Sơ đồ quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH MTV Nam Triệu*



#### **Ghi chú:**

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

#### 2.2.5.4. Ví dụ minh họa

**VD7:** Ngày 15/03/2011, Công ty thu tiền từ việc bán hồ sơ thầu, số tiền là 500.000 đồng.

Thao tác thực hiện tương tự như VD1. Căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 15/03/2011 (*Biểu 2.52*), Phiếu thu số 60 (*Biểu 2.53*), kế toán tiến hành lập phiếu thu 60 trên phần mềm kế toán. Kết quả hiện ra như sau:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

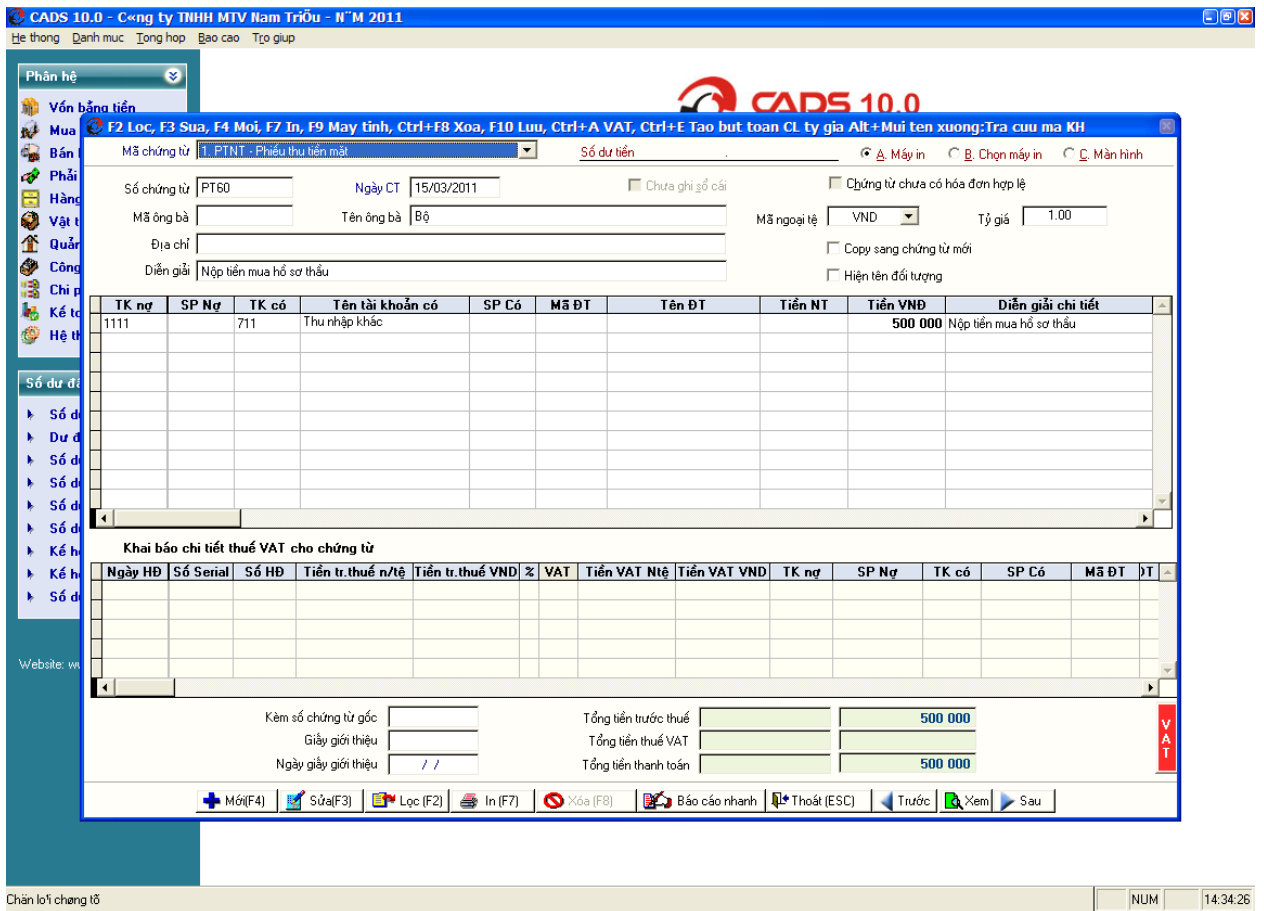
## Biểu 3.52 - Giấy nộp tiền ngày 15/03/2011

<b>UBND TP HẢI PHÒNG</b> <b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b> =====	
<b>GIẤY NỘP TIỀN</b>		
<b><u>Kính gửi:</u> TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b>		
Tên người nộp: <b>Nguyễn Hữu Bộ</b>		
Địa chỉ: <b>Công ty TNHH VTB Biển Nam</b>		
Lý do: <b>Nộp tiền mua hồ sơ thầu.</b>		
Số tiền: <b>500.000 đ</b>		
Bằng chữ: <b>Năm trăm nghìn đồng chẵn./.</b>		
<i>Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011</i>		
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC DUYỆT</b>	<b>KT TRƯỞNG</b>	<b>NGƯỜI NỘP</b>

## Biểu 2.53 - Phiếu thu số 60

<b>CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU</b> <b>Địa chỉ: 280 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng</b> <b>Mã số thuế: 0200396207</b>	<b>Mẫu số 01-TT</b> <i>Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính</i>			
<b>PHIẾU THU</b>				
<i>Ngày 15 tháng 03 năm 2011</i>				
Số : <b>60</b> Số: 1111 Số: 711				
Họ tên người nộp tiền: <b>Nguyễn Hữu Bộ</b>				
Địa chỉ: <b>Công ty TNHH VTB Biển Nam</b>				
Lý do nộp: <b>Nộp tiền mua hồ sơ thầu</b>				
Số tiền: <b>500.000 đ</b> (Viết bằng chữ) <b>Năm trăm nghìn đồng chẵn./.</b>				
Kèm theo <b>01</b> Chứng từ kế toán				
Đã nhận đủ số tiền: <b>500.000 đ</b>				
<i>Ngày 15 tháng 03 năm 2011</i>				
<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)

**Biểu 2.54 - Màn hình giao diện phiếu thu số 60**



- Để xem các sổ kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác như VD trước. Nhập “số CTGS”: 6. Nhập “mã tài khoản”: TK711. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

**Kết quả sẽ hiện ra như sau:**

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 6 (Biểu 2.55)
- Chứng từ ghi sổ số 6 (Biểu 2.56)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.57)
- Sổ cái TK711 (Biểu 2.58)
- Sổ chi tiết TK711 (Biểu 2.59)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.55 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 6

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/03/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 1111 – Tiền mặt

Số CTGS: 6

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN NỢ 1111	CÁC TÀI KHOẢN GHI: CÓ					
NGÀY	SỐ			131	141	333	338	511	711
02/03	PT54	Công an An Lão trả tiền biển xe	8.520.000	8.520.000					
03/03	PT55	Công an Thái Bình trả tiền biển xe	102.409.840	102.409.840					
08/03	PT56	Hoàn TW lương (Đặng Văn Hoạch – Phòng KTPG)	4.000.000		4.000.000				
10/03	PT57	Công an Thái Bình nộp tiền biển xe	53.600.000	53.600.000					
15/03	PT58	Nộp BHXH đ/c Hậu từ T7→T2/11 (BHTN)	2.564.928				2.564.928		
15/03	PT59	Công an An Lão trả tiền biển xe	14.200.000	14.200.000					
15/03	PT60	Nộp tiền mua hồ sơ thầu	500.000						500.000
15/03	PT61	Công an Tiên Lãng trả tiền biển xe	14.200.000	14.200.000					
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PT90	Tiền bán xăng A92	658.829.939			59.130.623		626.699.316	
31/03	PT91	Mua hồ sơ thầu	500.000						500.000
31/03	PT92	Mua hồ sơ thầu	500.000						500.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.943.420.597</b>	<b>207.129.840</b>	<b>6.500.000</b>	<b>414.052.013</b>	<b>8.439.168</b>	<b>4.304.299.576</b>	<b>3.000.000</b>

**KẾ TOÁN GHI SỔ**

Ngày..... tháng ..... năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.56 – Chứng từ ghi sổ số 6

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

SỐ CTGS: 6

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
Thu các khoản nhập quỹ				
Tiền mặt	1111		4 943 420 597	
Phải thu khách hàng		131		207 129 840
Tạm ứng		141		6 500 000
Thuế và các khoản phải nộp NN		333		414 052 013
Phải trả, phải nộp khác		338		8 439 168
Doanh thu bán hàng		511		4 304 299 576
Thu nhập khác		711		3 000 000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4 943 420 597</b>	<b>4 943 420 597</b>

Kế toán ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

## Biểu 2.57 – Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
3	31/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	5 216 515 656
4	28/02/2011	Thu các khoản nhập quỹ	4 354 746 450
5	28/02/2011	Chi các khoản phục vụ sx	4 090 335 390
6	31/03/2011	Thu các khoản nhập quỹ	4 943 420 597
7	31/03/2011	Chi các khoản phục vụ sx	5 005 012 724
...	.....	.....	.....
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Kế toán ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.58 – Sổ cái TK711

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 3 000 000

Phát sinh có 3 000 000

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03	6	Thu các khoản nhập quỹ	1111		3 000 000
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	9119	3 000 000	

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

## Biểu 2.59 – Sổ chi tiết TK711

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 3.000.000

Phát sinh có 3.000.000

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
15/03	PT60	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Bộ)	1111		500.000
15/03	PT62	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Nhưng)	1111		500.000
16/03	PT63	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Bường)	1111		500.000
16/03	PT64	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Hoa)	1111		500.000
31/03	PT91	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Hảo)	1111		500.000
31/03	PT92	Nộp tiền mua hồ sơ thầu (Sơn)	1111		500.000
31/03	03	K/c Thu nhập khác 711 → 911	9119:TN	3.000.000	

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

### 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng, như:

- TK9110: Xác định kết quả kinh doanh lưu giữ phương tiện
- TK9111: Xác định kết quả kinh doanh xăng dầu
- TK9113: Xác định kết quả kinh doanh khai thác chất phụ gia

.....

TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

### 2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ để kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán vào phân hệ “*Kế toán tổng hợp*” → *Kết chuyển*. Cửa sổ kết chuyển hiện ra các chỉ tiêu cần kết chuyển. Kế toán nhấn F10 để máy tính tự động thực hiện bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh. Kết quả hiện ra như sau:

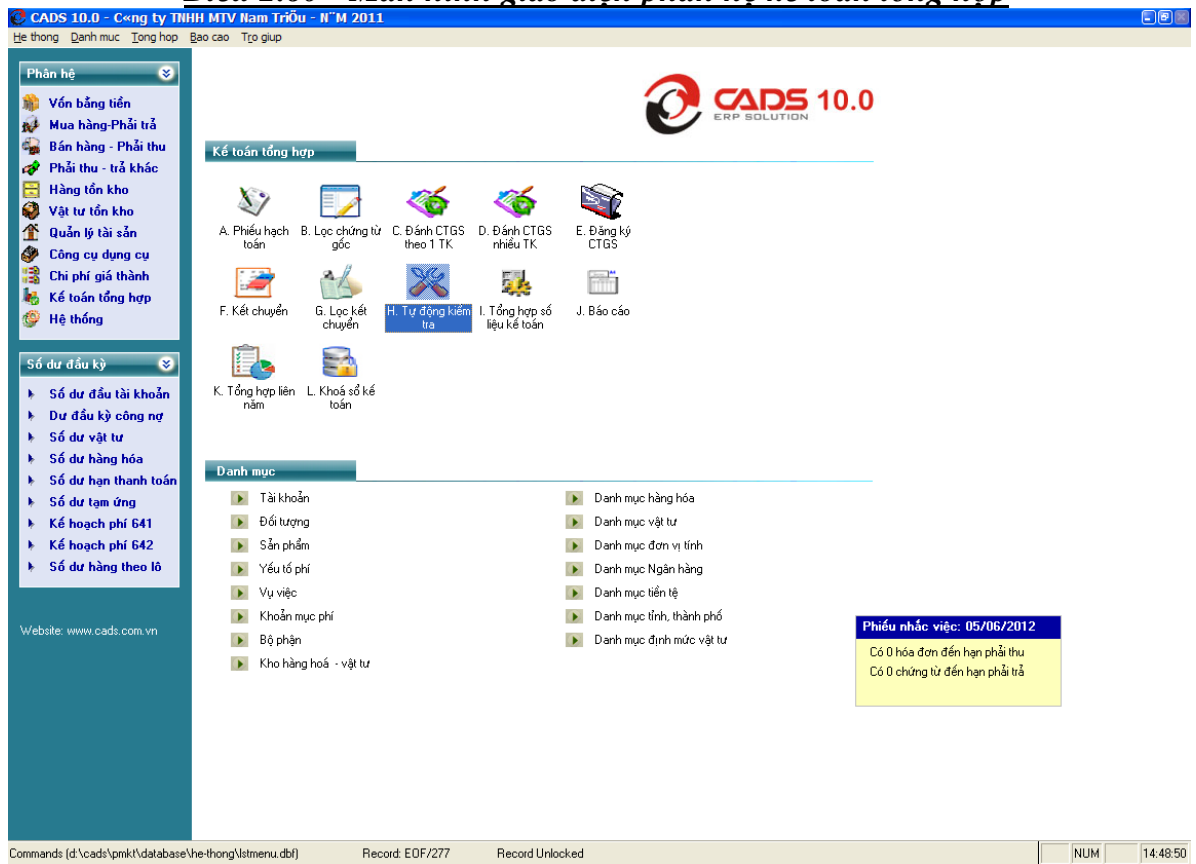
- Màn hình giao diện phân hệ Kế toán tổng hợp (*Biểu 2.60*)
- Màn hình giao diện cửa sổ kết chuyển (*Biểu 2.61*)

Để xem các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí, kê toán vào phân hệ “*Kế toán tổng hợp*” → *Tự động kiểm tra*. Cửa sổ bút toán kết chuyển tự động sẽ hiện ra như sau:

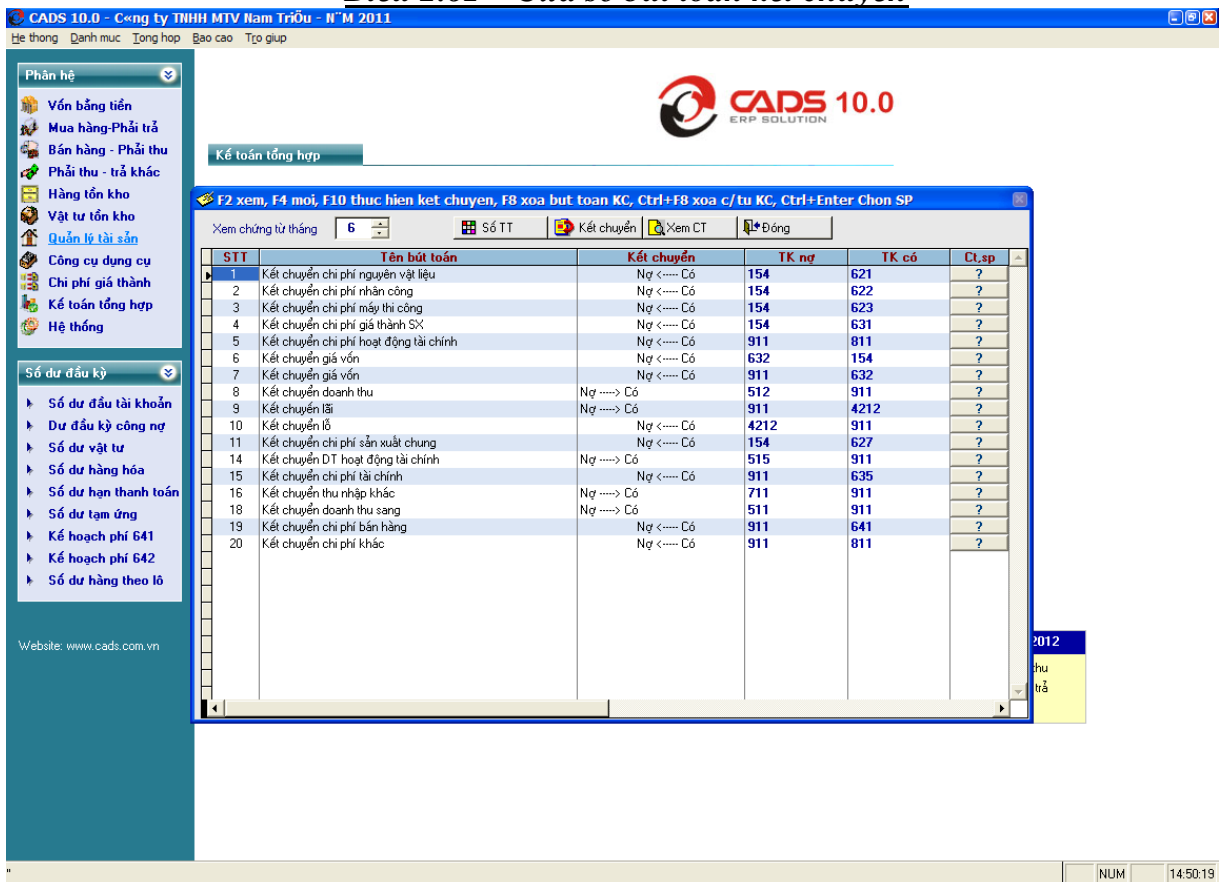
- Màn hình bút toán kết chuyển tự động doanh thu (*Biểu 2.62*)
- Màn hình bút toán kết chuyển tự động chi phí (*Biểu 2.63*)



**Biểu 2.60 - Màn hình giao diện phân hệ kế toán tổng hợp**



**Biểu 2.61 – Cửa sổ bút toán kết chuyển**





## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Để xem các sổ kế toán như: phiếu phân tích tài khoản, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết, kế toán thực hiện các thao tác như VD trước. Nhập “số CTGS”: 30, 31. Nhập “mã tài khoản”: TK911,821,421. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

### **Kết quả sẽ hiện ra như sau:**

- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 30 (Biểu 2.64)
- Phiếu phân tích tài khoản của Chứng từ ghi sổ số 31 (Biểu 2.65)
- Chứng từ ghi sổ số 30 (Biểu 2.66)
- Chứng từ ghi sổ số 31 (Biểu 2.67)
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.68)
- Sổ cái TK911 (Biểu 2.69)
- Sổ cái TK821 (Biểu 2.70)
- Sổ cái TK421 (Biểu 2.71)
- Sổ chi tiết TK911 (Biểu 2.72)
- Sổ chi tiết TK821 (Biểu 2.73)
- Sổ chi tiết TK421 (Biểu 2.74)
- Để xem Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2011 (Biểu 2.75), kế toán chọn mục “Báo cáo” trên thanh thực đơn → Báo cáo tài chính. Tại mục “từ ngày đến ngày”: từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011. Sau cùng chọn “nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.64 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 30

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Số CTGS: 30

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN CÓ 911	CÁC TÀI KHOẢN GHI: NỢ		
NGÀY	SỐ			511	515	711
31/03	01	K/c Doanh thu bán hàng 511→911	38.101.997.928	38.101.997.928		
31/03	02	K/c Doanh thu hoạt động tài chính 515→911	243.425.771		243.425.771	
31/03	03	K/c Thu nhập khác 711→911	3.000.000			3.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>38.101.997.928</b>	<b>38.101.997.928</b>	<b>243.425.771</b>	<b>3.000.000</b>

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

## Biểu 2.65 – Phiếu phân tích tài khoản của CTGS số 31

### PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Số CTGS: 31

CHỨNG TỪ		TRÍCH YẾU	SỐ TIỀN NỢ 911	CÁC TÀI KHOẢN GHI: CÓ					
NGÀY	SỐ			421	632	635	641	642	821
31/03	02	Phân bổ CFQL 642→911	960.816.783					960.816.783	
31/03	03	K/c CF thuế TNDN 821→911	414.098.613						414.098.613
31/03	08	K/c chi phí tài chính 635→911	19.864.800			19.864.800			
31/03	09	K/c TK632 sang TK911	35.557.624.024		35.557.624.024				
31/03	10	K/c chi phí bán hàng 641→911	153.723.641				153.723.641		
31/03	11	K/c lãi 421→911	1.242.295.838	1.242.295.838					
<b>Tổng cộng</b>			<b>38.348.423.699</b>	<b>1.242.295.838</b>	<b>35.557.624.024</b>	<b>19.864.800</b>	<b>153.723.641</b>	<b>960.816.783</b>	<b>414.098.613</b>

Ngày..... tháng ..... năm 2011

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.66 – Chứng từ ghi sổ số 30

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

SỐ CTGS: 30

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
K/c TK511,515,711 sang TK911				
Xác định kết quả kinh doanh		911		38 348 423 699
Doanh thu bán hàng		511	38 101 997 928	
Doanh thu hoạt động tài chính		515	243 425 771	
Thu nhập khác		711	3 000 000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>38 348 423 699</b>	<b>38 348 423 699</b>

Kế toán ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

## Biểu 2.67 – Chứng từ ghi sổ số 31

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/03/2011

SỐ CTGS: 31

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
K/c TK632,641,642,821 sang TK911				
Xác định kết quả kinh doanh	911		38 348 423 699	
Lợi nhuận chưa phân phối		421		1 242 295 838
Giá vốn hàng bán		632		35 557 624 024
Chi phí tài chính		635		19 864 800
Chi phí bán hàng		641		153 723 641
Chi phí quản lý doanh nghiệp		642		960 816 783
Chi phí thuế TNDN		821		414 098 613
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>38 348 423 699</b>	<b>38 348 423 699</b>

Kế toán ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.68 – Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

CHỨNG TỪ GHI SỔ		DIỄN GIẢI	TIỀN
SỐ HIỆU	NGÀY		
1	31/01/2011	Thu các khoản nhập quỹ	10 176 205 768
2	23/01/2011	Chi các khoản phục vụ sx	2 897 573 414
....	.....	.....	.....
30	31/03/2011	Kết chuyển TK511,515,711 sang TK911	38 348 423 699
31	31/03/2011	Kết chuyển TK632,641,642,821 sang TK911	38 348 423 699
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>293 404 560 919</b>

Kế toán ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

## Biểu 2.69 – Sổ cái TK911

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ

Phát sinh có

Dư nợ cuối kỳ

38 348 423 699

38 348 423 699

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	5110		55 000 910
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	5111.1		9 887 920 264
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	5111.2		1 057 652 870
....	....	.....	.....		.....
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	515		243 425 771
31/03	30	K/c TK511,515,711 sang TK911	711		3 000 000
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	4212	1 242 295 838	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	6320	106 129 556	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	6321.1	9 679 798 122	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	6321.2	1 026 853 875	
.....	....	.....	.....	.....	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	6428	422 940 254	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	8211	414 098 613	

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

Ngày.....tháng.....năm.....

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.70 – Sổ cái TK821

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 414 098 613

Phát sinh có 414 098 613

Dư nợ cuối kỳ

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03	27	Phải nộp các khoản thuế	3334	414 098 613	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9111		21 299 374
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9112		131 573 710
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9113		60 003 940
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9115		97 775 110
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9117		36 578 964
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9119		66 867 515

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

## Biểu 2.71 – Sổ cái TK421

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CÁI

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ 44 070 000

Phát sinh có 1 242 295 838

Dư nợ cuối kỳ 1 198 225 838

Số CTGS:		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
23/01	2	Chi các khoản phục vụ sx	1111	1 632 000	
31/01	3	Chi các khoản phục vụ sx	1111	40 000 000	
28/02	5	Chi các khoản phục vụ sx	1111	1 150 000	
31/03	7	Chi các khoản phục vụ sx	1111	1 288 000	
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9110		-51 128 646
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9111		63 898 122
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9112		394 721 131
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9113		204 667 710
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9114		26 472 752
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9115		293 325 329
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9117		109 736 893
31/03	31	K/c TK632,641,642,821 sang TK911	9119		200 602 547

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Người lập

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.72 – Sổ chi tiết TK911

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Dư nợ đầu ngày

Phát sinh nợ 38.348.423.699

Phát sinh có 38.348.423.699

Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03	01	K/c DT sang 5110:LGPT→9110	5110		55.000.910
		K/c DT sang 5111.1:XD→9111	5111.1		9.887.920.264
		.....	.....		.....
31/03	02	K/c DT h/đ tài chính 515→911	515		243.425.771
31/03	02	Phân bổ CFQL6421→911:NH	6421	94.272.250	
		Phân bổ CFQL6421→911:SET	6421	93.704.657	
		.....	.....	.....	
31/03	03	K/c thu nhập khác711→911	711		3.000.000
31/03	03	Phân bổ CF thuế TNDN 8211→911:BXM	8211	127.662.160	
		Phân bổ CF thuế TNDN 8211→911:XD	8211	21.299.374	
		.....	.....	.....	
31/03	08	K/c CF tài chính 635→911	635	19.864.800	
31/03	09	K/c giá vốn 632:BB→911:BB	6322.3	3.720.000	
		K/c giá vốn 632:BOT→911:BOT	6322.2	717.396.867	
		.....	.....	.....	
31/03	10	K/c CFBH 6411→911	6411	89.490.180	
		K/c CFBH 6414→911	6414	11.753.385	
		K/c CFBH 6418→911	6418	52.480.076	
31/03	11	K/c lãi 9110:LGPT→9110	4212	-51.128.646	
		K/c lãi 9110:XD→9111	4212	63.898.122	
		.....	.....	.....	
		K/c lãi 9119:TN→9119	4212	200.602.547	

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.73 – Sổ chi tiết TK821

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011  
Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Dư nợ đầu ngày  
Phát sinh nợ                    414.098.613  
Phát sinh có                    414.098.613  
Dư nợ cuối ngày

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/03	03	Phân bổ chi phí thuế TNDN8211→911:BXM	9112:BXM		127.662.160
		Phân bổ chi phí thuế TNDN8211→911:XD	9111:XD		21.299.374
		Phân bổ chi phí thuế TNDN8211→911:BOT	9112:BOT		3.911.550
		.....	.....		.....
31/03	KT69	Thuế TNDN phải nộp	3334	414.098.613	

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## Biểu 2.74 – Sổ chi tiết TK421

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011  
Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Dư nợ đầu ngày  
Phát sinh nợ                    44.070.000  
Phát sinh có                    1.242.295.838  
Dư nợ cuối ngày                1.198.225.838

Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
06/01	PC05	Mua hóa đơn thay người bán (Hà)	1111	1.632.000	
....	.....	.....	.....	.....	
07/03	PC122	Mua hóa đơn thay người bán (Hà)	1111	1.288.000	
31/03	11	K/c lãi 9110:LGPT→9110	9110		-51.128.646
		K/c lãi 9111:XD→9111	9111		63.898.122
		K/c lãi 9112:BOT→9112	9112		10.714.651
		K/c lãi 9112:BXM→9112	9112		382.986.480
		.....			
		K/c lãi 9117:NH→9117	9117		109.736.893
		K/c lãi 9119:TN→9119	9119		200.602.547

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.75 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2011

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số B02-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	38.101.997.928	
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	38.101.997.928	
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.28	35.557.624.024	
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.544.373.904	
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	243.425.771	
7.Chi phí tài chính	22	VI.30	19.864.800	
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí bán hàng	24		153.723.641	
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		960.816.783	
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.653.394.451	
11.Thu nhập khác	31		3.000.000	
12.Chi phí khác	32			
13.Lợi nhuận khác (42=31-32)	40		3.000.000	
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.656.394.451	
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	414.098.613	
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.242.295.838	
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## CHƯƠNG 3

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

#### **3.1.ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU**

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

##### **3.1.1.Uu điểm**

###### **➤ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng Kế toán – Tài vụ. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng. Thêm vào đó đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức thực tế và tinh thần trách nhiệm cao.

###### **➤ Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán**

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Ngoài ra, Công ty có sử dụng thêm một số tiểu khoản riêng để phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác kế toán của mình.

Tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu dề dang, chính xác.

Công ty mở một hệ thống sổ kế toán hợp lý, hoàn chỉnh, gọn nhẹ và có độ tin cậy cao.

➤ **Về việc ứng dụng công nghệ thông tin**

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán CADS do công ty Cổ phần ứng dụng và phát triển phần mềm tin học cung cấp. Công ty sử dụng phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán CADS là một trong những phần mềm kế toán tiên tiến hiện nay ở Việt Nam có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

➤ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác và đầy đủ. Từ đó góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách thực nhất cho Ban lãnh đạo của Công ty.

Về công tác kế toán chi phí: Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai khống chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được Công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

### 3.1.2. Hạn chế

#### ➤ Về hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò hết sức quan trọng. Công tác kế toán sẽ thực sự đạt hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một hệ thống sổ sách đầy đủ phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết. Tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu có rất nhiều mặt hàng, doanh thu tiêu thụ hàng năm cũng đạt tới 12 con số. Trong danh mục tài khoản của Công ty các TK511, 632, 641, 642 cũng đã được mở chi tiết cho từng đối tượng như TK5110, 5111, 5111.1, 5111.2....; TK6320, 6321, 6321.1, 6321.2....; TK6411, 6414, 6418; TK6421, 6423, 6424, 6428. Nhưng số liệu in ra từ phần mềm kế toán mới dừng lại là các sổ tổng hợp (Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK511, 632,...) chứ phần mềm chưa in ra được hệ thống sổ chi tiết (Sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí QLDN theo từng yếu tố chi phí,...).

Theo em, Công ty nên tiến hành nâng cấp phần mềm kế toán để có thể theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu, chi phí cũng như xác định lợi nhuận của từng mặt hàng đem lại.

#### ➤ Về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữ một vai trò quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Báo cáo kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp. Từ sự phân tích các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà nhà quản trị và các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá được khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, xác định đầy đủ những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh mới chỉ dừng ở việc lập Báo cáo chứ chưa đi vào việc phân tích Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

#### 3.2.1. Nguyên tắc của sự hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

#### 3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu

##### 3.2.2.1. Nâng cấp phần mềm kế toán CADS

Tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu có rất nhiều mặt hàng, doanh thu tiêu thụ hàng năm cũng đạt tới 12 con số. Trong danh mục tài khoản của Công ty các TK511, 632, 641, 642 cũng đã được mở chi tiết cho từng đối tượng như TK5110, 5111, 5111.1, 5111.2....; TK6320, 6321, 6321.1, 6321.2....; TK6411, 6414, 6418; TK6421, 6423, 6424, 6428. Nhưng số liệu in ra từ phần mềm kế toán mới dừng lại là các sổ tổng hợp (Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK511, 632,....) chứ phần mềm chưa in

ra được hệ thống sổ chi tiết (Sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí QLDN theo từng yếu tố chi phí,...). Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định lợi nhuận mà từng mặt hàng đem lại.

Giải quyết vấn đề này Công ty nên đặt hàng với Công ty Cổ phần và ứng dụng và phát triển phần mềm tin học để tiến hành nâng cấp phần mềm kế toán CADS bằng cách bổ sung vào phần mềm các sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, các sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí theo từng yếu tố chi phí.

Dưới đây là các mẫu sổ cần bổ sung vào phần mềm kế toán CADS và một số ví dụ minh họa:

- Sổ chi tiết bán hàng mẫu số S35-DN (*Biểu 3.1*)
- Ví dụ minh họa Sổ chi tiết bán hàng xăng A92 tại Công ty (*Biểu 3.2*)
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mẫu số S36-DN (*Biểu 3.3*)
- Ví dụ minh họa Sổ chi tiết giá vốn hàng bán xăng A92 tại Công ty (*Biểu 3.4*)
- Ví dụ minh họa sổ chi tiết chi phí bán hàng tại Công ty (*Biểu 3.5*)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày .....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.1 - Mẫu Sổ chi tiết bán hàng**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU  
Số 280 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa,dịch vụ, bất động sản đầu tư): Xăng A92

Quý 1/2011

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
20/01	PT09		Tiền bán xăng A92	111	1,484.13	16,636	24,690,000		
20/01	PT10		Tiền bán xăng A92	111	41,981.24	16,636	698,400,000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....		
31/03	PT87		Tiền bán xăng A92	111	4,027.85	16,636	67,007,344		
31/03	PT90		Tiền bán xăng A92	111	37,671.27	16,636	626,699,316		
			<b>Cộng phát sinh</b>						
			<b>-Doanh thu thuần</b>						
			<b>-Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>-Lãi gộp</b>						

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng.....năm 2011  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2 – Sổ chi tiết bán hàng xăng A92

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			-Số dư đầu kỳ										
			-Số phát sinh trong kỳ										
			-Cộng số phát sinh trong kỳ										
			-Ghi có TK										
			-Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng .....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.3 – Mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Xăng A92

Quý 1/2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			<b>-Số phát sinh trong kỳ</b>				
20/01	PX02		Xuất bán – PT09	156	23,817,358	1,484.13	15,729
20/01	PX03		Xuất bán – PT10	156	732,368,034	41,981.24	15,729
.....	.....		.....	.....	.....	.....	.....
31/03	PX49		Xuất bán – PT87	156	58,388,105	4,027.85	15,729
31/03	PX58		Xuất bán – PT90	156	558,953,319	37,671.27	15,729
			<b>-Cộng phát sinh trong kỳ</b>				
			<b>-Ghi có TK632</b>	<b>911</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng .....năm.....

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

### Biểu 3.4 – Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

**Tài khoản: 641**

**Quý 1/2011**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK641				
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK6411	.....	TK6414	TK6418
			<b>-Số phát sinh trong kỳ</b>						
....	....		.....	....	.....	.....	.....	.....	
31/03	PX57		Xuất hao hụt (Thêm)	1561	47,192,413			47,192,413	
31/03	03		Khấu hao TSCĐ tháng 03	2141	3,917,795		3,917,795		
31/03	KT60		Phải trả lương CBCNV quý 1/2011	3342	74,794,258	74,794,258			
31/03	KT62		Trích BHXH,YT,CD,TN	3389	670,213	670,213			
31/03	KT62		Trích BHXH,YT,CD,TN	3382	1,291,662	1,291,662			
31/03	KT62		Trích BHXH,YT,CD,TN	3383	10,723,408	10,723,408			
31/03	KT62		Trích BHXH,YT,CD,TN	3384	2,010,639	2,010,639			
			<b>-Cộng phát sinh trong kỳ</b>						
			<b>-Ghi có TK632</b>	<b>911</b>					

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng .....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.5 – Sổ chi tiết chi phí bán hàng**

### ***3.2.2.2. Hoàn thiện về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh giữ một vai trò quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Báo cáo kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp. Từ sự phân tích các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà nhà quản trị và các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá được khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, xác định đầy đủ những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh mới chỉ dừng ở việc lập Báo cáo chứ chưa đi vào việc phân tích Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dưới đây là kết quả phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh của quý 1/2011 so với quý 1/2010.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2010 và quý I/2011

Chỉ tiêu	Quý I/2010	Quý I/2011	So sánh 2010-2011	
			Tuyệt đối	Tương đối (%)
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22 894 079 473	38 101 997 928	15 207 918 455	66.43%
2.Các khoản giảm trừ	0	0	0	0%
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22 894 079 473	38 101 997 928	15 207 918 455	66.43%
4.Giá vốn hàng bán	21 407 261 027	35 557 624 024	14 150 362 997	66.1%
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1 486 818 446	2 544 373 904	1 057 555 458	71.13%
6.Doanh thu hoạt động tài chính	39 520 763	243 425 771	203 905 008	515.94%
7.Chi phí hoạt động tài chính	59 512 900	19 864 800	-39 648 100	-66.62%
8.Chi phí bán hàng	126 566 719	153 723 641	27 156 922	21.46%
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	987 168 606	960 816 783	-26 351 823	-2.67%
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	353 090 984	1 653 394 451	1 300 303 467	368.26%
11.Thu nhập khác	127 272 727	3 000 000	-124 272 727	-97.64%
12.Chi phí khác	143 564 864	0	-143 564 864	-100%
13.Lợi nhuận khác	(16 292 137)	3 000 000	19 292 137	118.41%
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	336 798 847	1 656 394 451	1 319 595 604	391.81%
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	84 199 712	414 098 613	329 898 901	391.81%
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0%
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	252 599 135	1 242 295 838	989 696 703	391.81%
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0	0	0	0%

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Qua bảng phân tích Báo cáo KQHĐKD quý 1/2010 và quý 1/2011, ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm quý 1/2011 là 38.101.997.928 đồng tăng lên so với doanh thu quý 1/2010 là 15.207.918.455 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 66,43%. Điều này thể hiện khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty là tốt. Trong năm, Công ty không có hàng bán bị trả lại chứng tỏ chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được đảm bảo. Đây là một nhân tố làm tăng hiệu quả kinh doanh.

Doanh thu thuần quý 1/2011 tăng 15.207.918.455 đồng so với quý 1/2010 tương ứng với tốc độ tăng 66,43%.

Giá vốn hàng bán quý 1/2011 tăng lên so với quý 1/2010 là 14.207.918.455 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 66,1%. Doanh thu bán hàng tăng thì đòi hỏi giá vốn hàng bán tăng. Đây là hoạt động bình thường của Công ty. Đặc biệt, giá vốn hàng bán tăng với tốc độ nhỏ hơn tốc độ tăng của doanh thu chứng tỏ Công ty đã tiết kiệm được chi phí trong quá trình sản xuất, giúp tăng hiệu quả kinh doanh. Chi phí sản xuất tiết kiệm có thể do:

*Đối với chi phí nguyên vật liệu:*

- Xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật về tiêu hao vật tư tiên tiến phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, tiến hành kiểm tra chặt chẽ đơn giá từng loại vật tư sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí nguyên, vật liệu.
- Thường xuyên đổi mới kỹ thuật, công nghệ sản xuất, ứng dụng kịp thời các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần đáng kể trong việc giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, sản lượng tăng lên đáng kể.
- Công ty luôn chú trọng tới công tác thu hồi phế liệu, góp phần đáng kể vào việc giảm chi phí.
- Luôn làm tốt công tác tương trợ đến từng cán bộ công nhân viên nên tránh được sự thất thoát trong việc quản lý nguyên vật liệu, thời gian lao động và tài chính không bị lãng phí.

*Đối với chi phí nhân công:*

- Việc tổ chức sắp xếp lao động trong Công ty luôn hợp lý từ quản lý cho đến sản xuất. Công ty cũng luôn tạo điều kiện, môi trường làm việc tốt với đầy đủ trang

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

thiết bị hiện đại để khuyến khích người lao động hăng say làm việc, hoàn thành công việc một cách tốt nhất.

- Bên cạnh đó, Công ty còn có một chế độ trả lương thích hợp đối với từng bộ phận lao động. Ngoài tiền lương cơ bản, công nhân viên còn được hưởng các khoản phụ cấp như: phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp đi lại...và các khoản tiền thưởng như: thưởng năng suất, thưởng vào các dịp lễ tết...

*Đối với chi phí sản xuất chung:*

- Công ty không ngừng nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong Công ty để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa những tổn thất trong sản xuất.

- Công ty đã xây dựng ý thức tiết kiệm trong toàn thể Công ty trong việc tiết kiệm các dịch vụ mua ngoài như: chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí điện nước, chi phí vận chuyển, bốc xếp...

Chi phí bán hàng quý 1/2011 tăng 27.156.922 đồng so với quý 1/2010 tương ứng với tốc độ tăng là 21,46%. Như vậy, sang năm 2011, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư cho công tác bán hàng nhằm đưa sản phẩm của Công ty đến với khách hàng nhiều hơn. Năm 2011 với tình hình kinh tế khó khăn cũng như sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp khác buộc Công ty phải có một chiến lược bán hàng sâu rộng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1/2011 giảm 26.351.823 đồng so với quý 1/2010 tương ứng với tốc độ giảm là 2,67%. Đây có thể được xem là thành tích của doanh nghiệp trong công tác quản lý chi phí QLDN.

Như vậy, hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty. Nó thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2011 tăng 1.300.303.467 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 368,26%. Đó là do:

- Doanh thu thuần tăng 15.207.918.455 đồng (Tốc độ tăng 66,43%)
- Tổng chi phí tăng 14.177.519.919 đồng:
  - + Giá vốn hàng bán tăng 14.150.362.997 đồng (Tốc độ tăng 66,1%)
  - + Chi phí bán hàng tăng 27.156.922 đồng (Tốc độ tăng 21,46%)



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### **\* Hoạt động tài chính:**

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 203.905.008 đồng t-ong ứng với tốc độ tăng là 515,94%.
- Chi phí hoạt động tài chính giảm 39.648.100 đồng t-ong ứng với tốc độ giảm là 66,62%.

Điều này cho thấy hoạt động tài chính đã và đang mang lại hiệu quả cho Công ty.

### **\* Hoạt động khác:**

- Thu nhập từ hoạt động khác quý 1/2011 giảm 124.272.727 đồng so với quý 1/2010 t-ong ứng với tốc độ giảm là 97,64%.
- Chi phí khác quý1/ 2011 không phát sinh, mà quý 1/2010 là 143564864 đồng.

Như vậy, Hoạt động khác quý 1/2011 đã mang lại lợi nhuận là 3.000.000 đồng. Lợi nhuận khác quý 1/2011 tăng 19.292.137 đồng t-ong ứng với tốc độ tăng là 118,41%. Hoạt động khác mang lại hiệu quả cho Công ty.

### **Kết luận:**

Sau khi tổng hợp số liệu toàn doanh nghiệp, ta thấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý 1/2011 cao hơn so với quý 1/2010 là 1.319.595.604 đồng tương đương với tốc độ tăng là 391,81%. Đây có thể được xem là thành tích của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Quá trình thực tập tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, em nhận thấy công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa cho em được bày tỏ lòng biết ơn Ban lãnh đạo cùng các cô trong phòng Kế toán của Công ty và cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn - Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012*

**Sinh viên**

**Trần Thị Vân**